

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2020, GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2021, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2020, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ của các ban, bộ, ngành, địa phương; sự đồng thuận, chia sẻ của cộng đồng doanh nghiệp và người dân; ngành Giao thông vận tải (GTVT) đã triển khai nhiệm vụ, kế hoạch năm 2020, giai đoạn 2016 - 2020 theo phương châm hành động của Chính phủ; toàn ngành đã đoàn kết, thống nhất cao, nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành hầu hết các mặt công tác, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của ngành GTVT

Năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020, Bộ GTVT đã bám sát các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp nhằm đạt được những mục tiêu các Nghị quyết đã đặt ra cho ngành GTVT. Bộ đã ban hành đầy đủ các Chương trình, kế hoạch hành động để triển khai thực hiện các Nghị quyết như: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng¹; Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016 – 2020; các Nghị quyết của Chính phủ như Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016, số 64/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) hàng năm... Kịp thời tổ chức thực hiện các chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm đầy đủ và hiệu quả. Cụ thể, trong giai đoạn 2016-2020, đã hoàn thành 2.286/2.397 nhiệm vụ, đang tiếp tục thực hiện 111 nhiệm vụ (trong hạn).

Đồng thời, Bộ đã quyết liệt triển khai toàn diện các nhiệm vụ của ngành, nhất là tái cơ cấu tổng thể ngành GTVT; nhờ đó, hầu hết các mặt công tác của Bộ GTVT trong giai đoạn 2016 - 2020 đã hoàn thành kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch và đề án khác

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án

Bộ GTVT luôn chủ động, tích cực rà soát và đăng ký xây dựng các Luật, Bộ luật vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội; trong đó, đã được

Quốc hội thông qua 02 dự án Luật: Bộ luật Hàng hải Việt Nam (sửa đổi) năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017 và Luật Đường sắt (sửa đổi) năm 2017; trong năm 2020, Bộ GTVT đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) và đã được Quốc hội khóa XIV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10; đồng thời, Bộ cũng đang triển khai tổng kết Luật Giao thông Đường thủy nội địa, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam để xem xét, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tế và công tác quản lý chuyên ngành.

Bên cạnh việc nghiên cứu, sửa đổi các Luật, Bộ luật là xương sống của hệ thống pháp luật về các lĩnh vực GTVT, giai đoạn 2016 – 2020, Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 44 Nghị định, 11 Quyết định, phê duyệt 15 đề án trong tổng số 22 đề án đã trình (Năm 2020, Chính phủ đã ban hành 04 Nghị định² và Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành 01 Quyết định³, phê duyệt 05 đề án do Bộ GTVT chủ trì trình). Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành theo thẩm quyền 232 thông tư, phê duyệt 29 đề án (Năm 2020, ban hành theo thẩm quyền 29 Thông tư và 02 Đề án); đã thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ kỳ 2014-2018 với tổng số 615 văn bản, gồm: 233 văn bản hết hiệu lực toàn bộ; 382 văn bản còn hiệu lực, trong đó có 84 văn bản hết hiệu lực một phần.

Trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), đề án, Bộ luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng của văn bản cũng như tiến độ ban hành nhằm bảo đảm tính kịp thời để điều chỉnh những vấn đề mới phát sinh hoặc tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu sự tác động của văn bản, đặc biệt là các quy định nhằm cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để bảo đảm an sinh xã hội và phát triển sản xuất - kinh doanh. Ngay sau khi các văn bản QPPL, đề án được ban hành, Bộ GTVT luôn chỉ đạo sát sao việc tổ chức thực hiện đề các văn bản, đề án được triển khai, áp dụng có hiệu quả trong thực tế qua công tác hướng dẫn tổ chức thực hiện các văn bản QPPL, đề án và đặc biệt, thông qua công tác thanh tra, kiểm tra. Do đó, chất lượng, tính ổn định của các văn bản QPPL, đề án ngày càng được cải thiện, nâng cao qua từng năm, thể hiện tinh thần trách nhiệm và nhận thức của tất cả cán bộ, công chức của Bộ GTVT trong 05 năm qua về công tác xây dựng văn bản QPPL.

Công tác lập, triển khai các chiến lược, quy hoạch

Bộ GTVT luôn quan tâm chỉ đạo việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch đi đôi với việc cập nhật, bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt cho phù hợp với tình hình thực tế để định hướng cho công tác đầu tư, quản lý phát triển GTVT. Đến nay, hầu hết các chiến lược, quy hoạch ngành GTVT, quy hoạch chi tiết theo các quy hoạch ngành,... đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc được ủy quyền phê duyệt. Công tác xây dựng quy hoạch đã bước đầu đáp ứng yêu cầu định hướng cho công tác đầu tư theo thứ tự ưu tiên và là những cơ sở pháp lý quan trọng trong quá trình hình thành chủ trương, xây dựng các chính sách, kế hoạch 5 năm và hàng năm để tổ chức thực hiện.

Về lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030: Bộ GTVT đang triển khai lập 05 quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm quy hoạch mạng lưới đường bộ, đường sắt; quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, cảng hàng không, sân bay; quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Hiện nay,

05 quy hoạch đã được thông qua báo cáo giữa kỳ, một số quy hoạch đã trình duyệt báo cáo cuối kỳ đề xin ý kiến các Bộ, ngành và địa phương về nội dung quy hoạch. Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ 05 quy hoạch trong Quý II/2021.

2. Công tác cải cách hành chính

Để tổ chức sắp xếp, kiện toàn các đơn vị thuộc Bộ, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ GTVT đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan tham mưu giúp việc Bộ trưởng, các Cục và đơn vị trực thuộc Bộ; ban hành Quy định về tổ chức hoạt động của các Ban QLDA trực thuộc Bộ; xây dựng và triển khai Đề án đổi mới công tác quản lý đầu tư xây dựng trong lĩnh vực GTVT; đã tinh giảm 130 đầu mối từ cấp tổ bộ môn, đại diện và tương đương trở lên trong tổng số 1.118 tổ chức từ cấp tổ bộ môn, đại diện và tương đương trở lên; sáp nhập Văn phòng Ủy ban An ninh hàng không vào Cục Hàng không Việt Nam; đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án các cơ sở y tế thuộc Cục Y tế GTVT về địa phương quản lý; Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Ban QLDA Mỹ Thuận. Xây dựng và ban hành chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; 10 quy định về công tác cán bộ⁴. Các quy định về công tác cán bộ đã phát huy tác dụng, làm rõ trách nhiệm cụ thể của từng cán bộ, công chức khi triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đối với 295 trường hợp, tinh giản biên chế đối với hơn 50 trường hợp.

Quyết liệt cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; Bộ GTVT đã phê duyệt phương án cắt giảm 35 TTHC, đơn giản hóa 166 TTHC, cắt giảm 384 điều kiện trên tổng số 570 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực GTVT (đạt tỷ lệ 67,36%); sửa đổi, bổ sung 10/10 văn bản QPPL⁵. Hoàn thành các nhiệm vụ triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Cổng dịch vụ công và hệ thống điện tử một cửa của Bộ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, đến nay đã có 254 thủ tục được cung cấp ở mức độ 3, 4, trong đó có 87 thủ tục tham gia cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN; hoàn thành 5/5 chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao về cung cấp dịch vụ công và tích hợp 114 TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Bộ đã ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ GTVT (Phiên bản 2.0); Chương trình Chuyển đổi số Bộ GTVT đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành GTVT, tập trung đối với lĩnh vực đường bộ. Hoàn thành kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản của 54/54 đơn vị cấp 2 thuộc Bộ, kết nối với trực văn bản quốc gia để gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp theo đúng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; đẩy mạnh sử dụng ký số trong xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường mạng; tỷ lệ gửi/nhận văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước đạt tỷ lệ gần 98% góp phần tiết giảm thời gian, giảm chi phí; Bộ GTVT được đánh giá là một trong những bộ, ngành đi đầu trong thực hiện về công tác này. Đẩy mạnh xây dựng các Cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung về kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện, người điều khiển phương tiện, hướng tới quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu số. Đưa vào sử dụng Nền tảng chia sẻ,

tích hợp dữ liệu Bộ GTVT kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương khác.

3. Công tác đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

Bám sát những mục tiêu trọng tâm về phát triển KCHTGT tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, Bộ GTVT đã triển khai đồng bộ các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để tạo ra đột phá trong phát triển KCHTGT; đồng thời kiện toàn công tác quản lý đầu tư xây dựng; chú trọng xây dựng, cập nhật hệ thống định mức, đơn giá xây dựng công trình giao thông. Hiện nay, kế hoạch vốn trung hạn của Bộ GTVT được giao là 233.211 tỷ đồng; giao chi tiết theo kế hoạch hàng năm tổng số đến nay được 161.000 tỷ đồng (69% kế hoạch trung hạn) và đến nay đã giải ngân được 143.000 tỷ đồng, đạt bình quân 88,8% so với kế hoạch hàng năm được giao. Trong năm 2020, Bộ GTVT được giao 39.826 tỷ đồng (gồm vốn kéo dài), đến hết tháng 11/2020, kết quả giải ngân ước đạt 32.103/39.826 tỷ đồng đạt 80,6%, cao hơn tỷ lệ bình quân chung cả nước (64,5%). Qua tổng hợp, xem xét tình hình thực tế, từ nay đến hết thời hạn giải ngân kế hoạch năm 2020, Bộ GTVT phấn đấu giải ngân tối thiểu trên 90% kế hoạch cả năm.

Bên cạnh việc đầu tư các công trình bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giai đoạn 2016 – 2020, hệ thống KCHTGT đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều công trình giao thông lớn, hiện đại đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng, góp phần tạo diện mạo mới cho đất nước, tạo lập được sự kết nối giữa các vùng miền trong cả nước và với quốc tế.

Về đường bộ: Kết cấu hạ tầng đường bộ có nhiều đột phá so với các lĩnh vực khác, đảm nhận vai trò chủ yếu trong kết nối vùng miền và quốc tế, đã hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 1.074 km đường bộ cao tốc, đưa tổng chiều dài cao tốc đang khai thác lên 1.163 km. Mạng lưới quốc lộ đạt 24.598 km, các tuyến quốc lộ chính yếu được đưa vào cấp kỹ thuật, thay thế cầu yếu và đồng bộ tải trọng, tỷ lệ mặt đường bê tông nhựa được nâng lên 64%.

Về đường bộ cao tốc: Khu vực phía Bắc đã hoàn thành các tuyến hướng tâm tới Thủ đô Hà Nội⁶; tuyến đường cao tốc ven biển nối Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn. Khu vực phía Nam đã hoàn thành 2 tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây nối Đông Nam bộ và phía Bắc, TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương nối với các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long; đang triển khai 2 tuyến Bến Lức - Long Thành, Trung Lương - Mỹ Thuận. Khu vực miền Trung đã hoàn thành 2 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Liên Khương - Đà Lạt.

Về quốc lộ: Quốc lộ 1 đã được nâng cấp, mở rộng từ Lạng Sơn đến Cà Mau và được kéo dài đến Năm Căn, đường Hồ Chí Minh qua Tây Nguyên nối xuống miền Đông Nam Bộ đã được mở rộng; nhiều quốc lộ trọng yếu⁷ được đầu tư, nâng cấp toàn tuyến hoặc một số đoạn có nhu cầu vận tải lớn; rất nhiều công trình cầu, hầm cấp đặc biệt, cấp I đã được xây dựng⁸.

Về Đường sắt: Lĩnh vực đường sắt đã có nhiều nỗ lực, duy trì tình trạng kết cấu hạ tầng để nâng cao an toàn và rút ngắn thời gian chạy tàu. Phân bổ nguồn lực đầu tư cho KCHT đường sắt còn hạn chế⁹ tuy nhiên bước đầu hệ thống KCHT đường sắt đã được quan tâm đầu tư, từng bước được cải tạo, nâng cấp¹⁰. Hiện tại đang triển khai 04 dự án cải tạo, nâng cấp các công trình đường sắt trên tuyến đường sắt Bắc – Nam.

Về Đường thủy nội địa: Năng lực KCHT đường thủy nội địa đã được nâng cao nhờ việc tập trung đầu tư nâng cấp cải tạo một số tuyến tại khu vực Đồng bằng Bắc Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long¹¹, đồng thời với việc đưa vào sử dụng một số công trình chỉnh trị cửa sông, kênh, âu tàu lớn, hiện đại và một số cảng đầu mối container kết hợp cảng cạn ở Phía Nam và Phía Bắc¹². Năm 2020, Bộ đã tiến hành động thổ Cụm công trình kênh nối Đáy – Ninh Cơ thuộc dự án WB6.

Về Hàng hải: Hệ thống cảng biển được đầu tư đồng bộ với năng lực thông qua khoảng 570 triệu T/năm. Hai cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải và Lạch Huyện đã có khả năng tiếp nhận được tàu tải trọng lớn từ 130.000 tấn đến 200.000tấn (DWT) đi thẳng bờ Tây nước Mỹ, Canada và Châu Âu; các cảng hành khách tại Phú Quốc, Hạ Long có khả năng tiếp nhận tàu chở khách lớn nhất thế giới; cảng chuyên dùng tiếp nhận được tàu từ 100.000 tấn đến 320.000 tấn; từng bước phát triển hệ thống cảng cạn hỗ trợ hiệu quả cho việc khai thác cảng biển, phát triển dịch vụ logistics.

Về Hàng không: Các cảng hàng không quan trọng đã được nâng cấp gồm Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng¹³ và xây dựng mới gồm Phú Quốc, Vân Đồn, nâng tổng công suất mạng cảng hàng không đạt khoảng 90 triệu hành khách/năm. Công nghệ điều hành bay hiện đại đảm bảo an toàn¹⁴, tăng hiệu quả khai thác hạ tầng cảng hàng không.

Trong năm 2020, đã kịp thời hoàn thành đưa vào khai thác 21 công trình, dự án và hoàn tất thủ tục, triển khai thi công 19 công trình dự án mới. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, Bộ GTVT đã hoàn thiện thủ tục và triển khai khởi công 03 dự án thành phần được chuyển sang hình thức đầu tư công (đoạn Mai Sơn - QL45, đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết và đoạn Phan Thiết - Dầu Giây); đồng thời, Bộ đã trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội kiến nghị chuyển đổi hình thức đầu tư đối với 02 dự án thành phần đầu tư theo hình thức PPP do không lựa chọn được nhà đầu tư (QL45 - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Diễn Châu) và đang tích cực đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính của nhà đầu tư đối với 03 dự án thành phần có nhà đầu tư đáp ứng (Diễn Châu - Bãi Vọt, Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo), dự kiến hoàn thành và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong tháng 12/2020. Tích cực phối hợp các cơ quan liên quan chỉ đạo để sớm khởi công một số hạng mục thuộc Dự án đầu tư xây dựng CHKQT Long Thành giai đoạn 1. Bộ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ khó khăn vướng mắc về thể chế đối với dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành; đã tiến hành động thổ Cụm công trình kênh nối Đáy – Ninh Cơ thuộc dự án WB6; tập trung triển khai để đưa vào khai thác một số hạ tầng giao thông quan trọng như tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; thông tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, sửa chữa mặt cầu Thăng Long, Dự án nâng cấp, sửa chữa đường cát, hạ

cánh, đường lãn cảng HKQT Tân Sơn Nhất và Nội Bài, đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh – Hà Đông, triển khai hệ thống thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng...

Bên cạnh việc đầu tư xây dựng KCHTGT, Bộ GTVT thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện của nhà đầu tư, đặc biệt trong công tác giám sát suất vốn đầu tư bảo đảm hợp lý; giám sát chất lượng, tiến độ dự án; đối với các dự án đang thu phí hoàn vốn, Bộ GTVT giao Tổng cục ĐBVN theo dõi, kiểm tra lưu lượng xe và doanh thu thực tế của các trạm thu phí để kịp thời điều chỉnh phương án tài chính các dự án. Ngoài ra, để minh bạch, tránh tiêu cực, thất thoát và hướng tới sự hài lòng cao nhất cho người tham gia giao thông, hiện nay Bộ GTVT đang phối hợp với các Nhà đầu tư, Ngân hàng triển khai áp dụng công nghệ thu phí không dừng tại các trạm thu phí theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17/6/2020.

Các dự án đầu tư KCHTGT theo hình thức xã hội hóa đưa vào khai thác đã phát huy tốt hiệu quả, chất lượng và năng lực phục vụ của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông cải thiện đáng kể (đã đưa vào sử dụng hàng nghìn km đường bộ, các cầu quy mô lớn như cao tốc Hà Nội – Hải Phòng – Hạ Long, cầu Bạch Đằng, cầu Cổ Chiên, cầu Rạch Miễu, cầu Yên Lệnh...). Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển KCHTGT vừa đảm bảo mục tiêu phát triển phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, vừa góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, giảm áp lực nợ công. Chính yếu tố này đã tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng, hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông và trực tiếp làm tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Có thể nói, năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020, hệ thống hạ tầng giao thông đã được đầu tư phát triển nhanh, phát huy hiệu quả cao; bộ mặt KCHTGT của đất nước đã có những chuyển biến hết sức rõ nét, nhiều công trình lớn, hiện đại đã được đưa vào khai thác. Việc tập trung đầu tư phát triển KCHTGT có trọng tâm, trọng điểm đã góp phần tái cơ cấu hợp lý lĩnh vực vận tải, bảo đảm kết nối hài hoà các phương thức vận tải, phát huy thế mạnh của từng phương thức, làm giảm chi phí vận tải, nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu được Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố, trong kỳ đánh giá 2017 - 2018, năng lực và chất lượng kết cấu hạ tầng của Việt Nam liên tục tăng bậc, từ thứ 95/144 (năm 2011) lên thứ 79/137 (năm 2016), trong đó, chỉ số về chất lượng kết cấu hạ tầng đường bộ đứng thứ 92 (tăng 28 bậc), cảng biển đứng thứ 82 (tăng 31 bậc). Chỉ số năng lực quốc gia về logistics (LPI) của Việt Nam năm 2018 xếp hạng 39/160 nước, tăng 25 bậc so với 2016 (năm 2011, Việt Nam xếp hạng 53/155 nước). Trong khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Việt Nam xếp hạng 3, sau Singapore (xếp hạng 7) và Thái Lan (xếp hạng 32). Tất cả các chỉ số đánh giá về Logistics năm 2018 đều tăng vượt bậc, trong đó, mức tăng cao nhất là năng lực chất lượng dịch vụ (xếp hạng 33, tăng 29 bậc) và khả năng theo dõi, truy xuất hàng hóa (xếp hạng 34, tăng 41 bậc).

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư, Bộ GTVT đã tăng cường xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, đẩy mạnh quyết toán các dự án hoàn thành, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy

manh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước. Trong giai đoạn 2016-2020, toàn ngành GTVT đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được 555 dự án do Bộ GTVT quản lý với tổng giá trị là 214.078 tỷ đồng; đã thỏa thuận quyết toán được 60 dự án BOT với tổng giá trị là 68.949 tỷ đồng. (Năm 2020 Bộ đã thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán được 55 dự án với giá trị phê duyệt là 22.983 tỷ đồng; Đối với các dự án BOT, Bộ đã chấp thuận quyết toán 2 dự án và 12 hạng mục với giá trị là 11.032 tỷ đồng. Đồng thời, tích cực đôn đốc các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện các kết luận KTNN đối với các dự án¹⁵).

4. Công tác quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông

Công tác quản lý KCHTGT đã có những chuyển biến tích cực, hiệu quả quản lý nhà nước được tăng cường, chất lượng quản lý bảo trì, khai thác KCHTGT từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu cơ bản của phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Cơ chế, chính sách, phương thức quản lý, bảo trì KCHTGT đã được cải tiến, thay đổi theo định hướng hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, tăng cường kiểm tra và giám sát các nhà thầu bảo trì công trình; phân cấp và tăng cường quản lý tại các đơn vị cơ sở; cơ quan quản lý cấp trên tập trung thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cơ chế chính sách, chiến lược, quy hoạch và các công việc vĩ mô.

Các văn bản QPPL về định mức, đơn giá trong quản lý đầu tư xây dựng nói chung và về quản lý, bảo trì nói riêng đã được xây dựng tương đối đầy đủ, được cập nhật điều chỉnh kịp thời, cơ bản đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý... Các cơ chế, chính sách về quản lý, bảo trì đường bộ được xây dựng, ban hành có tính đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý, đặc biệt là thúc đẩy công tác áp dụng khoa học công nghệ và đổi mới phương thức thực hiện bảo trì đã nâng cao tính minh bạch, công bằng, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn. Cơ cấu tổ chức quản lý, bảo trì đã ổn định và phát huy hiệu quả. Các đơn vị bảo trì đã chủ động đầu tư trang thiết bị và ứng dụng KHCN trong công tác quản lý, bảo trì.

Chất lượng, tiến độ công tác sửa chữa được cải thiện rõ rệt: Công tác lập, phê duyệt đầu tư công trình đã được đẩy nhanh; công tác lựa chọn Nhà thầu đã xã hội hóa cao hơn, lựa chọn được nhiều đơn vị thi công có đủ năng lực và tài chính mạnh thực hiện, đẩy nhanh được tiến độ thực hiện công trình, hạn chế tối đa tình trạng giữ việc, nợ vốn...; công tác quản lý, nghiệm thu, giám sát tiến độ, chất lượng của chủ đầu tư được tăng cường... Mặc dù kinh phí cấp cho công tác bảo trì còn thấp so với nhu cầu, những năm qua kinh phí được sử dụng một cách căn cơ, bài bản, tiết kiệm, phát huy hiệu quả nguồn vốn bảo trì, hướng tới những giải pháp duy trì và kéo dài tuổi thọ công trình.

Nguồn vốn bố trí cho công tác quản lý bảo trì hiện nay ổn định và được tăng đáng kể (trung bình hàng năm tăng khoảng 3-8%), đã đóng vai trò quyết định đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo trì. Kinh phí bảo trì đã đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác quản lý, bảo trì, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, hạn chế hư hỏng xuống cấp của KCHTGT; góp phần trực tiếp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, giảm nhẹ thiên tai, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, miền. Với nguồn vốn được tăng lên, công tác bảo trì đã từng bước được đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đổi

mới phương thức thực hiện, tạo sự chủ động, nâng cao tính cạnh tranh và trách nhiệm của các bên tham gia. Với nguồn vốn bảo trì ổn định đã phát huy tính chủ động trong tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì; ngay từ năm trước đã phê duyệt kế hoạch bảo trì hoặc chấp thuận chủ trương sửa chữa năm sau, nên có đủ thời gian khảo sát, thiết kế, đấu thầu, đủ điều kiện triển khai thi công ngay từ đầu năm kế hoạch để sớm sửa chữa khắc phục hư hỏng, hạn chế phát sinh thêm khối lượng cần sửa chữa, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước. Việc kịp thời bố trí vốn để xử lý khắc phục hậu quả thiên tai, các điểm mất ATGT và các nhiệm vụ đột xuất đã góp phần giảm các tiêu chí về tai nạn giao thông trong các năm gần đây, đáp ứng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về an toàn giao thông.

5. Công tác quản lý vận tải và dịch vụ vận tải

Xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tái cơ cấu tổng thể ngành GTVT là tái cơ cấu vận tải, tăng cường kết nối các phương thức vận tải, Bộ GTVT đã thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ để phát huy thế mạnh của từng phương thức, phát triển thị trường vận tải nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ vận tải, bảo vệ môi trường; tập trung đầu tư phát triển KCHTGT, đầu tư kết nối các cảng biển trên toàn quốc với hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa; kết nối hệ thống cảng biển, kịp thời xử lý tình trạng ứ đọng hàng hóa tại các cảng biển thông qua việc tăng cường năng lực xếp dỡ.

Vận tải đường bộ có sự cải thiện vượt bậc, các đơn vị vận tải chú trọng công tác đầu tư phương tiện mới với chất lượng cao, nhiều tiện nghi, chất lượng dịch vụ được nâng cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân, phù hợp với xu hướng phát triển về phương tiện vận tải mới, hiện đại đối với cả vận tải hành khách và hàng hóa các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt từ khi đưa vào khai thác các tuyến đường bộ cao tốc.

Vận tải đường sắt từng bước được nâng cao theo hướng hiện đại, chi phí hợp lý, nhanh, an toàn, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí xã hội; đảm nhận vận tải hàng hóa khối lượng lớn đường dài và trung bình, vận tải hành khách đường dài, liên tỉnh; từng bước hình thành vận tải hành khách công cộng tại các thành phố lớn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Vận tải biển đã đáp ứng kịp thời nhu cầu của nền kinh tế, chất lượng dịch vụ cảng biển được cải thiện rõ rệt, năng suất xếp dỡ tăng nhanh; sản lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường biển chiếm tỷ trọng trên 50% tổng sản lượng hàng hóa luân chuyển cả nước, đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển hàng hóa nội địa bằng đường biển và khoảng 90% khối lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu (bao gồm cả hàng vận chuyển trực tiếp đi Châu Âu, Châu Mỹ) nhờ hệ thống cảng biển được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ theo quy hoạch; chú trọng kết nối với các phương thức vận tải khác, nhất là với đường thủy nội địa, giảm tải cho đường bộ; cải thiện chất lượng dịch vụ tại cảng biển và logistics. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,18%. Đội tàu biển Việt Nam từng bước được cơ cấu theo hướng hiện đại, chuyên dùng, có trọng tải lớn, đã ra khỏi danh sách đen và liên tục duy trì trong danh sách trắng của tổ chức Tokyo MOU từ năm 2014 đến nay, cơ cấu hợp lý hơn, đảm nhận 100% thị phần vận tải nội địa và khoảng 7%-11% thị phần hàng hóa xuất nhập khẩu; tính đến tháng 12/2020, đội tàu biển Việt Nam có 1.516 chiếc (tàu vận tải là 1.049 chiếc) với tổng

trọng tải khoảng 9,3 triệu DWT, có đủ năng lực để chạy các tuyến vận tải biển tới các châu lục trên thế giới. Theo số liệu thống kê của Diễn đàn Thương mại và phát triển Liên Hợp Quốc (UNCTAD), đội tàu Việt Nam đứng thứ 4 trong khu vực ASEAN (sau Singapore, Indonesia, Malaysia) và thứ 29 trên thế giới.

Vận tải thủy nội địa đã có những bước phát triển nổi bật đáng ghi nhận: khối lượng vận chuyển hàng hóa năm 2019 tăng khoảng 2 lần so với năm 2011, tăng bình quân khoảng 9%/năm; thị phần luân chuyển đường thủy nội địa năm 2019 đạt gần 20%, tăng 4% so với năm 2011. Đã tạo được một số khâu đột phá như đã đưa vào hoạt động các tuyến vận tải ven biển làm giảm áp lực đáng kể cho vận tải đường bộ hành lang Bắc Nam; vận chuyển container đến các cảng biển ở khu vực phía Nam, một số cảng biển phía Bắc..., vận tải container kết nối giữa Campuchia và Việt Nam tăng trưởng mạnh.

Vận tải hàng không đã có những bước phát triển đột phá về cả quy mô và chất lượng dịch vụ¹⁶, phát triển liên tục với tốc độ tăng trưởng giai đoạn đạt 15%/năm về hành khách và 12%/năm về hàng hóa (đến năm 2020 có 75 hãng hàng không nước ngoài và 05 hãng hàng không Việt Nam), đáp ứng kịp thời sự bùng nổ của nhu cầu vận tải hàng không trong giai đoạn vừa qua, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ về chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu vận tải nội địa tăng nhanh, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các hãng hàng không trong nước và với các phương thức vận tải khác, tiếp tục mở rộng mạng đường bay trong nước và quốc tế, gia tăng dịch vụ hàng không giá rẻ, giảm được tình trạng chậm hủy chuyến, cải thiện chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không...

Sản lượng vận tải giai đoạn 2016 – 2020: ước đạt 7.559,621 triệu tấn hàng; đạt 20.617,8 triệu lượt hành khách; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.431,356 triệu Tấn.km; luân chuyển hành khách ước đạt 988,981 triệu HK.km.

Trong giai đoạn 2016 đến 2019 sản lượng vận tải luôn đạt và vượt mức kế hoạch đề ra; vận tải hàng hóa có tốc độ tăng trưởng bình quân 11,87%/năm về khối lượng vận chuyển và 7,1%/năm về khối lượng luân chuyển. Vận tải hành khách có tốc độ tăng trưởng bình quân 11,75%/năm về khối lượng vận chuyển và 10,4%/năm về khối lượng luân chuyển. Tốc độ tăng trưởng luôn cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước.

Riêng năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid -19, sản lượng vận tải giảm sâu so với cùng kỳ các năm trước, nhất là lĩnh vực hàng không¹⁷. Tính đến hết tháng 11 tháng năm 2020, sản lượng vận tải ước đạt 1.606,312 triệu tấn hàng, giảm 6,2%; vận tải hành khách đạt 3.215,868 triệu lượt, giảm 29,7% so với cùng kỳ năm 2019; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 304,208 triệu Tấn.km; luân chuyển hành khách ước đạt 146,004 triệu HK.km, giảm 7,9% về luân chuyển hàng hóa và giảm 35,1% về luân chuyển hành khách so với cùng kỳ năm 2019.

6. Công tác đảm bảo trật tự ATGT, giảm ùn tắc giao thông; phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Bộ GTVT cùng với các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, ATGT đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và

khắc phục ùn tắc giao thông và Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012; Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm bảo đảm trật tự, ATGT; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự ATGT và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021; đồng thời, đã triển khai sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư.

Để thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông ở tất cả các địa phương, trên cả 03 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương), trong giai đoạn 2016 - 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để tập trung đôn đốc các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp về bảo đảm trật tự, ATGT (Chính phủ đã ban hành 04 Nghị quyết, 08 văn bản; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Quyết định, 22 Công điện, 12 Chỉ thị; Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia đã ban hành 24 Công điện, 16 Kế hoạch và 19 Thông báo kết luận)¹⁸.

Công tác xây dựng văn bản QPPL về bảo đảm trật tự, ATGT luôn được Bộ GTVT quan tâm, đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện các văn bản về bảo đảm ATGT. Trong đó, tập trung rà soát, xử lý những bất cập trong các quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với thực tiễn; quy trách nhiệm của các cấp chính quyền, tổ chức và cá nhân trong công tác bảo đảm trật tự, ATGT; tập trung sửa đổi các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực GTVT, kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; xây dựng các quy định về tiêu chí xác định điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong lĩnh vực đường sắt, đường thủy nội địa. Bộ GTVT đã xây dựng, tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Đường sắt tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV; trình Chính phủ ban hành 38 Nghị định, 06 Đề án, trong đó có một số văn bản QPPL có tác động lớn đến xã hội như Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 thay thế Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 thay thế Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Ngoài ra, theo thẩm quyền, Bộ GTVT đã ban hành 92 Thông tư, 03 Đề án¹⁹.

Tháng 12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự, ATGT đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045”²⁰; đồng thời, Bộ đã phê duyệt Đề án “Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, đề xuất phương án điều chỉnh loại hình kinh doanh vận tải phục vụ công tác sửa đổi, bổ sung Luật Giao thông đường bộ năm 2008”²¹.

Hàng năm, Bộ GTVT đã ban hành Kế hoạch hành động Năm An toàn giao thông gắn với từng chủ đề cụ thể, tập trung vào các mục tiêu: ⁽¹⁾ Tiếp tục giảm từ 5% - 10% số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông hàng năm; ⁽²⁾ Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động bảo đảm trật tự, ATGT; nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông, xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng, xây dựng văn hóa giao thông

an toàn trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên, trẻ em; nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông, nhất là các quy định pháp luật về nồng độ cồn, chất kích thích khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. ⁽³⁾Giảm tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, không để xảy ra tai nạn giao thông lĩnh vực hàng không dân dụng; giảm tai nạn giao thông do nguyên nhân uống rượu, bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông; ⁽⁴⁾Tiếp tục kéo giảm tình trạng ùn tắc giao thông trên các trục giao thông chính, các đầu mối giao thông trọng điểm và tại các đô thị lớn, đặc biệt là thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự, ATGT tiếp tục được đổi mới và nâng cao hiệu quả, hướng tới mọi thành phần trong hoạt động GTVT; chú trọng vào tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho người thực thi công vụ; phổ biến quy định pháp luật và xây dựng văn hoá giao thông đối với chủ xe, lái xe kinh doanh vận tải và người điều khiển phương tiện cá nhân. Tập trung tuyên truyền các quy về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô để người dân, cán bộ, doanh nghiệp... kịp thời nắm bắt các quy định mới và triển khai thực hiện. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, ATGT gắn với chủ đề Năm An toàn giao thông hằng năm.

Công tác thanh tra, kiểm tra và tuân tra kiểm soát, xử lý vi phạm đã được tăng cường và có nhiều đổi mới; lực lượng Thanh tra giao thông từ Trung ương đến địa phương đã tăng cường phối hợp với các lực lượng ngành Công an thông qua các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể; trong đó, tập trung phối hợp thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác bảo trì công trình đường bộ; công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, hoạt động của bến xe ô tô khách. Sự vào cuộc nghiêm túc của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các địa phương đã giúp kéo giảm mạnh tình trạng xe ô tô chở quá trọng tải trên cả nước, góp phần bảo vệ KCHTGT và giảm TNGT.

Kết quả giảm tai nạn giao thông: Từ năm 2016 trở lại đây, tai nạn giao thông (TNGT) giảm liên tiếp trong 5 năm liên trên cả 3 tiêu chí số vụ, số người chết và số người bị thương²². Giai đoạn 2016 – 2020, toàn quốc xảy ra 94.024 vụ tai nạn giao thông, làm chết 39.917 người, làm bị thương 77.477 người. So với cùng kỳ 5 năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 70.085 vụ (giảm 42,7%), số người chết giảm 9.372 người (giảm 19%), số người bị thương giảm 90.628 người (giảm 53,91%).

Riêng 11 tháng năm 2020, toàn quốc xảy ra 12.985 vụ tai nạn giao thông, làm chết 6.048 người, bị thương 9.652 người. So với 11 tháng đầu năm 2019, số vụ TNGT giảm 2.900 vụ (giảm 18,26%), số người chết giảm 927 người (giảm 13,29%), số người bị thương giảm 2.492 người (giảm 20,52%).

Kết quả giảm ùn tắc giao thông: Trong giai đoạn vừa qua, công tác giảm ùn tắc giao thông trên các trục giao thông chính, các đô thị lớn và trên địa bàn thành

phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều giải pháp đồng bộ như: đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm, các công trình cầu vượt, hầm chui tại các nút giao, các tuyến đường vành đai, đường hướng tâm và đường trục chính đô thị, chú trọng quy hoạch KCHTGT tỉnh, triển khai xây dựng các tuyến buýt nhanh, điều tiết giữa các phương thức vận tải, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành GTVT... để từng bước giảm thiểu phương tiện cá nhân tham gia giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông. Đến nay, hầu như không xảy ra các vụ ùn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút tại hai thành phố. Tuy nhiên, một số ngày thứ 2, thứ 6 hoặc những ngày có mưa với lưu lượng lớn gây ngập, ùng một số tuyến phố làm ùn tắc giao thông kéo dài; một số ngày diễn ra sự kiện lớn dẫn đến lưu lượng tham gia giao thông cao cũng đã gây ùn tắc giao thông.

Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn (PCTT&TKCN)

Hàng năm, nghiêm túc và kịp thời triển khai các chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương về tăng cường công tác phòng chống thiên tai; theo đó Bộ đã trình Chủ tịch Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn ban hành Kế hoạch ứng phó cấp quốc gia về tai nạn tàu bay dân dụng, Kế hoạch ứng phó cấp quốc gia về tai nạn tàu, thuyền trên biển; xây dựng kế hoạch ứng phó thảm họa lĩnh vực đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. Chỉ đạo các đơn vị chức năng và địa phương trong việc chủ động phòng, chống thiên tai trước, trong và sau bão, lũ nhằm hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản; đồng thời bảo đảm giao thông thông suốt trong tất cả các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng. Thiệt hại đối với hạ tầng giao thông do thiên tai gây ra trong giai đoạn 2016 - 2020 khoảng gần 3.700 tỷ đồng.

Các lực lượng của ngành GTVT đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh trong công tác tìm kiếm, cứu nạn các nạn nhân bị ảnh hưởng của thiên tai xảy ra. Giai đoạn 2016-2020 đã tiếp nhận và xử lý 3.075 vụ báo nạn; 4.822 người được cứu và hỗ trợ, 401 phương tiện được hỗ trợ.

7. Công tác khoa học công nghệ và môi trường

Hàng năm, Bộ GTVT đều ban hành kế hoạch xây dựng chuyển đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý và sản xuất, phù hợp với trình độ phát triển khoa học công nghệ (KH-CN) của các nước tiên tiến và hòa nhập các công ước quốc tế như IMO, ICAO, GMS, đăng kiểm quốc tế... Từ năm 2016 đến nay, đã công bố, ban hành 50 QCVN, 141 TCVN, 36 TCCS, ban hành hàng trăm định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc quản lý nhà nước theo các lĩnh vực chuyên ngành. Số lượng quy chuẩn, tiêu chuẩn được ban hành đều bám sát yêu cầu thực tế quản lý, được sử dụng làm cơ sở, căn cứ đánh giá và quản lý chất lượng từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công công trình giao thông, đánh giá chất lượng an toàn kỹ thuật phương tiện và các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghiệp GTVT; đồng thời, công tác nghiên cứu, triển khai thử nghiệm ứng dụng vật liệu mới, công nghệ mới cũng được đẩy mạnh, kết quả đã ứng dụng được nhiều kết quả nghiên cứu vào công tác quản lý và hoạt động sản xuất trong các lĩnh vực²³; ứng dụng các công nghệ, vật liệu vào các dự án xây dựng công

trình giao thông, đem lại hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - môi trường (như: Công nghệ cào bóc tái chế nguội tại chỗ kết cấu mặt đường BTN; công nghệ cào bóc tái chế nguội tại chỗ mặt đường BTN; công nghệ cào bóc tái chế nóng mặt đường BTN tại trạm trộn; công nghệ bảo trì phòng ngừa Microsurfacing; lớp phủ mặt đường bê tông nhựa rỗng thoát nước²⁴ ...).

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, Bộ GTVT đã thẩm định, phê duyệt 92 báo cáo đánh giá môi trường (100% các dự án đầu tư có báo cáo ĐTM được phê duyệt); tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với 133 dự án/công trình trong giai đoạn thi công; rà soát hồ sơ môi trường của 130 dự án; hỗ trợ xử lý dứt điểm 08 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; xúc tiến hợp tác với các đối tác quốc tế triển khai 09 dự án hỗ trợ kỹ thuật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh trong GTVT; tổ chức thành công Diễn đàn Liên Chính phủ về GTVT bền vững môi trường khu vực Châu Á lần thứ 12 (EST12).

Việc kiểm tra, cấp và xác nhận giấy chứng nhận vệ bảo vệ môi trường, dán nhãn năng lượng được triển khai tích cực, hiệu quả đã góp phần kiểm soát các loại chất thải phát sinh và tiết kiệm nhiên liệu trong suốt quá trình hoạt động của phương tiện GTVT. Qua kiểm soát khí thải xe cơ giới sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới, hàng triệu xe mô tô, xe gắn máy được kiểm tra, thử nghiệm thỏa mãn tiêu chuẩn khí thải Euro 3, hàng trăm nghìn ô tô hạng nhẹ và động cơ ô tô hạng nặng được kiểm tra, thử nghiệm thỏa mãn tiêu chuẩn khí thải Euro 4, từ đó đã ngăn chặn được xe, động cơ có công nghệ cũ, lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường đưa vào sử dụng. Công tác kiểm soát khí thải xe ô tô và xe máy chuyên dùng đang lưu hành đã được thực hiện đồng bộ trên toàn quốc; khí thải xe được kiểm soát theo hướng ngày càng nâng cao đã làm giảm lượng phát thải các chất độc hại vào môi trường không khí.

Công tác kiểm soát nguồn thải từ phương tiện giao thông đường sắt đã được chấm dứt việc xả chất thải vệ sinh trên các tuyến đường sắt. Việc kiểm tra tàu biển trong quá trình khai thác được thực hiện theo chu kỳ hàng năm, trung gian (2,5 năm), định kỳ (5 năm) nhằm đảm bảo tàu và các trang thiết bị luôn được duy trì thỏa mãn các quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực hàng không đã thực hiện đầu tư đổi mới và hiện đại hoá đội tàu bay nhằm thực hiện các sáng kiến của ICAO về vấn đề môi trường và năng lượng.

8. Tăng cường hợp tác với các nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế

Xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước mang lại nhiều cơ hội, tuy nhiên cũng đặt ra không ít những thách thức cho công tác hợp tác quốc tế của ngành GTVT. Trong bối cảnh đó, Bộ GTVT đã nghiêm túc quán triệt và thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, chủ trương và chính sách hội nhập quốc tế của Nhà nước tới các cơ quan, đơn vị trong ngành. Công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GTVT xác định vừa phải đảm bảo mục tiêu phát triển ngành vừa góp phần tích cực cho công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế chung của đất nước. Theo đó, phương châm thực hiện công tác hội nhập quốc tế của ngành GTVT được xác định là chủ động, tích cực và không ngừng nâng cao hiệu quả.

Kết nối GTVT giữa Việt Nam với các nước láng giềng, khu vực và trên thế giới được thúc đẩy với ngày càng nhiều các tuyến vận tải quốc tế được thiết lập. Cùng với đó, vai trò, vị thế và uy tín của GTVT Việt Nam tại các cơ chế, diễn đàn đa phương chuyên ngành GTVT ngày càng được tăng cường và được bạn bè quốc tế ghi nhận. Trong giai đoạn 2016 – 2020, Bộ GTVT đã báo cáo Chính phủ ký, gia nhập 16 điều ước quốc tế song phương, đa phương danh nghĩa Nhà nước, Chính phủ, 03 thỏa thuận quốc tế cấp Chính phủ không phải là điều ước quốc tế và đã ký 21 thỏa thuận quốc tế cấp Bộ. Việt Nam đã đăng cai và chủ trì nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế trong lĩnh vực GTVT trong đó phải kể tới thành công của Hội nghị Bộ trưởng GTVT ASEAN lần thứ 25 (tháng 11/2019) và Diễn đàn liên chính phủ về GTVT bền vững môi trường khu vực châu Á lần thứ 12 (EST 12). Ngay cả khi dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới, ngành GTVT với tinh thần “đi trước mở đường” vẫn khắc phục khó khăn, đảm bảo việc vận chuyển trang thiết bị y tế, nhu yếu phẩm, hàng hóa giữa Việt Nam với các nước đồng thời góp phần tích cực vào công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Lĩnh vực hàng không dân dụng: đã ký 03 điều ước quốc tế song phương²⁵, 03 điều ước quốc tế đa phương²⁶ và gia nhập 01 Công ước quốc tế về hàng không dân dụng. Cục Hàng không Việt Nam đã được Cục Hàng không Liên bang Hoa Kỳ chứng nhận đạt Tiêu chuẩn Nhóm 1 (CAT 1) là yêu cầu bắt buộc đối với năng lực của Nhà chức trách hàng không để các hãng hàng không của Việt Nam có thể mở đường bay thẳng đến Hoa Kỳ. Việt Nam cũng đã và đang cùng các nước ASEAN tích cực thực hiện Thị trường hàng không thống nhất ASEAN (ASAM). Đặc biệt, từ khi dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới, hàng không Việt Nam đã đóng góp rất tích cực trong việc tổ chức hàng trăm chuyến bay giải cứu, đưa công dân Việt Nam mắc kẹt tại nhiều khu vực trên thế giới về nước.

Lĩnh vực hàng hải: đã ký 01 điều ước quốc tế²⁷ và 05 thỏa thuận công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên theo Công ước STCW 78/95²⁸, qua đó tạo thuận lợi cho hoạt động khai thác của các doanh nghiệp vận tải biển cũng như lao động trong ngành hàng hải. Nhằm thực hiện Thị trường hàng hải thống nhất ASEAN (ASSM), Việt Nam đã cùng các nước thành viên ASEAN thành lập Ban Điều phối ASSM và xây dựng Khung hợp tác về Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho Hành trình gần bờ (NCV) để hạn chế sự chênh lệch về tiêu chuẩn chứng nhận NCV giữa các Quốc gia thành viên. Việt Nam cũng đã nhận được kết quả đánh giá tích cực của Đoàn giám sát của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) về việc tuân thủ các cam kết quốc tế trong hệ thống quy định của IMO.

Lĩnh vực đường bộ: Việt Nam đã ký với phía Lào các thỏa thuận về nghiên cứu xây dựng, nâng cấp 05 tuyến đường bộ kết nối giữa hai nước²⁹. Kết nối giao thông đường bộ với Campuchia tiếp tục được đẩy mạnh với việc hai bên đã phối hợp khánh thành cầu Long Bình – Chrey Thom, thông xe vận tải đường bộ tại cặp cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh – O Yadav, nghiên cứu tuyến đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Bà Vẹt - Phnompenh; phối hợp với phía Trung Quốc tổ chức chạy thí điểm các tuyến vận tải đường bộ mới qua biên giới giữa hai nước gồm: Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Nam Ninh, Hà Nội – Thẩm Quyển. Trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), Việt Nam đã ký với các

nước GMS Bản ghi nhớ về việc thực hiện “Thu hoạch sớm” Hiệp định GMS-CBTA và thống nhất mẫu Sổ theo dõi Tam nhập Phương tiện vận tải; đã phê duyệt và thực hiện Chiến lược ngành GTVT trong khu vực các nước Tiểu vùng Mê Công mở rộng đến năm 2030.

Lĩnh vực đường sắt: nghiên cứu khả thi tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp – Mụ Giạ kết nối với Lào đã được hoàn thành. Việt Nam và Campuchia hiện đang nghiên cứu các tuyến đường sắt kết nối giữa hai nước như tuyến TP. Hồ Chí Minh – Lộc Ninh, TP. Hồ Chí Minh – Mộc Bài. Các tuyến vận tải liên vận kết nối với Trung Quốc gồm tuyến Hải Phòng – Hà Nội – Lào Cai – Hà Khẩu – Côn Minh và tuyến Hà Nội – Đồng Đăng – Nam Ninh vẫn được hai bên duy trì.

Lĩnh vực đường thủy nội địa: trên cơ sở thực hiện Hiệp định vận tải thủy giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia, các tuyến vận tải thủy qua biên giới giữa hai nước đã và đang hoạt động hiệu quả với trên 50.000 lượt tàu thuyền xuất nhập cảnh mỗi năm; được sự ủy quyền của Chính phủ Bộ GTVT đã ký với phía Campuchia Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hiệp định Vận tải thủy Việt Nam – Campuchia, theo đó tháo gỡ khó khăn và tạo thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động vận tải thủy của doanh nghiệp.

9. Công tác tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Về tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp

Ngày 25/5/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020”³⁰. Theo Đề án thì Bộ GTVT sẽ tái cơ cấu 04 doanh nghiệp nhà nước do Bộ quyết định thành lập (bao gồm: *Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, Nhà xuất bản Giao thông vận tải*). Đến nay, Bộ đã hoàn thành phê duyệt phương án tái cơ cấu của các doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Trên cơ sở phương án được phê duyệt, Bộ GTVT đã hoàn thành rà soát, cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, đảm bảo tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính; sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp và hiệu quả sản xuất kinh doanh; đảm bảo quản lý tài chính theo đúng quy định hiện hành, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; rà soát công tác quản lý cán bộ, quy hoạch cán bộ, nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo công bằng, dân chủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

Bộ GTVT đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng công ty ĐTPT&QLDA hạ tầng giao thông Cửu Long (CIPM) theo hướng sáp nhập CIPM vào Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) và thành lập Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận; đối với Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC), Bộ GTVT đã trình Bộ Chính trị báo cáo tình hình thực hiện 05 năm Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam theo Kết luận số 65-KL/TW Bộ Chính trị và đang tiếp tục hoàn thiện báo cáo theo chỉ đạo của Bộ Chính trị; Đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam, Bộ GTVT đã tham gia ý kiến và đang tiếp tục phối hợp với

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề án tái cơ cấu các tổng công ty này.

Về cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước: Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ GTVT đã thực hiện chuyển giao 05 Tổng công ty (*Hàng không Việt Nam, Cảng hàng không Việt Nam, Hàng hải Việt Nam, Đầu tư và phát triển đường cao tốc Việt Nam, Đường sắt Việt Nam*) về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước làm cơ quan đại diện chủ sở hữu với số vốn nhà nước chuyển giao hơn 46.000 tỷ đồng; ngoài ra, Bộ GTVT cũng đã thực hiện chuyển giao 18 Tổng công ty, công ty cổ phần (*Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông số 5, 8, các công ty cổ phần quản lý đoạn đường thủy nội địa,...*) sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) với số vốn nhà nước chuyển giao hơn 650 tỷ đồng.

Về việc triển khai thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra: Bộ GTVT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai rà soát các văn bản của Bộ trong quá trình thực hiện cổ phần hóa, tái cơ cấu và thoái vốn nhà nước; thực hiện rà soát, nghiên cứu báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nắm giữ cổ phần tại các công ty cổ phần cảng biển; đồng thời, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và doanh nghiệp cổ phần hóa rà soát các phương án cổ phần hóa, thoái vốn, quản lý, sử dụng đất, tài sản của các đơn vị để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thu hồi vốn, tài sản nhà nước, đảm bảo sử dụng vốn, tài sản, đất đai của nhà nước hiệu quả, đúng quy định; xử lý các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác thanh tra, kiểm tra; phòng, chống tham nhũng

Công tác thanh tra, kiểm tra của Thanh tra ngành GTVT có trọng tâm, trọng điểm, bám sát Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ. Nội dung thanh tra, kiểm tra được triển khai trên tất cả các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, trong đó có nhiều lĩnh vực mang tính thời sự, được dư luận xã hội quan tâm như: công tác quản lý và thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản; công tác đổi mới, cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp, công tác giám sát viên bay, công tác điều phối giờ cất hạ cánh (slot), hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có sử dụng phần mềm.

Giai đoạn 2016 – 2020, Thanh tra Bộ đã thực hiện 229 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành (Năm 2020 là số 26 cuộc). Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã yêu cầu thu hồi về NSNN trên 71,5 tỷ đồng; kiến nghị chấn chỉnh quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực; kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với nhiều tập thể, cá nhân có liên quan sai phạm. Tổng cục, các Cục chuyên ngành của Bộ và Thanh tra các Sở GTVT đã thực hiện 430.838 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (Năm 2020 là 66.872 cuộc); quyết định xử phạt 398.587 vụ vi phạm; tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính trên 1.910 tỷ đồng.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng luôn được Ban Cán sự đảng, Lãnh đạo Bộ quan tâm chỉ đạo và coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm nhằm giải quyết thỏa đáng lợi ích của các tổ chức, cá nhân; đảm bảo công bằng, dân chủ. Từ năm 2016 đến nay, Lãnh đạo Bộ GTVT đã tiếp 13

lượt/36 công dân; Thanh tra Bộ tiếp 245 lượt/410 công dân³¹, trong đó 33 vụ liên quan tới đền bù, giải phóng mặt bằng, 131 vụ liên quan tới việc giải quyết chế độ, chính sách và các vụ việc có nội dung khác; có 11 đoàn đông người. Thanh tra Bộ đã tiếp nhận 3.550 đơn thư, trong đó có 422 đơn khiếu nại, 851 đơn tố cáo, 2269 đơn kiến nghị, phản ánh. Tất cả các đơn thư được xử lý kịp thời, đúng quy định. Qua xác minh tố cáo, Thanh tra Bộ đã kiến nghị thu hồi nợ NSNN trên 17,2 tỷ đồng, thu hồi về quỹ đơn vị trên 7,59 tỷ đồng, kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan sai phạm, chuyển cơ quan điều tra Bộ Công an 02 vụ việc.

Bộ GTVT đã xây dựng Chương trình hành động về công tác phòng, chống tham nhũng; Đề án “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng, chống tham nhũng”; Đề án “Phòng chống tội phạm trong huy động và sử dụng vốn của Bộ GTVT”; tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và được Thanh tra Chính phủ ghi nhận Bộ GTVT là một trong những đơn vị đầu tiên hoàn thành báo cáo và tổ chức tổng kết đảm bảo đúng mục tiêu và nội dung yêu cầu của Thanh tra Chính phủ; triển khai các cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại 06 cơ quan, đơn vị thuộc Bộ GTVT³², đã kiến nghị thu hồi nợ ngân sách Nhà nước số tiền trên 19,9 tỷ đồng, thu hồi về quỹ đơn vị trên 1,238 tỷ đồng.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021, Bộ GTVT đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ GTVT giai đoạn 2016-2020³³. Hằng năm, Bộ GTVT đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, công khai, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật ngân sách trên cơ sở thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về điều hành ngân sách hàng năm. Việc phân bổ vốn đã đảm bảo đúng nguyên tắc, kịp thời, trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, đảm bảo phát huy hiệu quả đồng vốn đầu tư cũng như kinh phí chi thường xuyên được cấp. Ngoài việc xây dựng các định mức, chế độ, quy chế để tiết kiệm các chi phí chi thường xuyên như tiết kiệm tiền điện, nước, công tác phí, đi nước ngoài thì hàng năm, các đơn vị sự nghiệp, hành chính đều thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và các chỉ tiêu tiết kiệm khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Từ năm 2016 đến nay đã thực hiện kiểm tra tại 11 cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, việc kiểm tra thực hành, tiết kiệm chống lãng phí còn được lồng ghép vào các chương trình thẩm định, xét duyệt quyết toán tại các cơ quan, đơn vị. Qua công tác kiểm tra, Bộ GTVT đã kịp thời phát hiện các sai sót, tồn tại và chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc hơn trong công tác thực hành, tiết kiệm chống lãng phí.

11. Công tác bảo đảm chính sách lao động, việc làm, đời sống, thu nhập; công tác xã hội, từ thiện; công tác y tế GTVT

Bộ GTVT đã tích cực phối hợp với Công đoàn GTVT Việt Nam trong việc chăm lo đời sống cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; triển khai nhiều hoạt động xã hội - từ thiện thiết thực, thăm hỏi, hỗ trợ, động viên công nhân lao động và các đơn vị ngành GTVT có hoàn cảnh khó khăn... đặc biệt là trong các dịp Lễ, Tết, Tháng Công nhân³⁴. Đã tổ chức thành công Đại hội thi đua yêu nước trong CNVCLĐ Ngành GTVT giai đoạn 2016-2020, đã trao tặng Cờ thi đua xuất sắc của Bộ cho 13 tập thể, tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GTVT cho 15 tập thể và 62 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020.

Các đơn vị y tế ngành GTVT đã tổ chức cấp cứu TNGT, khám chữa bệnh kịp thời cho người lao động trong ngành GTVT và nhân dân³⁵; chủ động, tăng cường công tác phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm thời điểm giao mùa.

II. Đánh giá chung

Năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020, Bộ GTVT đã bám sát chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, quyết liệt cải cách, đổi mới, triển khai đồng bộ các giải pháp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, lĩnh vực công tác của ngành, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp và xã hội, góp phần cùng Chính phủ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước. Trong đó, có nhiều thành tựu nổi bật được xã hội và người dân ghi nhận như:

Hoàn thành 100% chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ GTVT về xây dựng văn bản QPPL, không để nợ đọng. Chất lượng, tính ổn định của các văn bản QPPL, đề án của Bộ ngày càng được cải thiện, nâng cao qua từng năm; công tác xây dựng quy hoạch đã bước đầu đáp ứng yêu cầu định hướng cho công tác đầu tư theo thứ tự ưu tiên và là những cơ sở pháp lý quan trọng trong quá trình hình thành chủ trương, xây dựng các chính sách, kế hoạch 5 năm và hàng năm để tổ chức thực hiện.

Công tác cải cách hành chính được tập trung thực hiện có hiệu quả như tổ chức sắp xếp, kiện toàn các đơn vị thuộc Bộ, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Quyết liệt cải cách TTHC, cắt giảm điều kiện kinh doanh, cắt giảm thủ tục kiểm tra chuyên ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tích cực tham gia cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN; hoàn thành 5/5 chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao về cung cấp dịch vụ công và tích hợp 114 TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng Kiến trúc Chính phủ Bộ GTVT và được đánh giá là một trong những bộ, ngành đi đầu trong thực hiện về công tác này.

Hệ thống KCHTGT đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều công trình giao thông lớn, hiện đại đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng, góp phần tạo

diện mạo mới cho đất nước, tạo lập được sự kết nối giữa các vùng miền trong cả nước và với quốc tế.

Trong giai đoạn từ 2016-2019, sản lượng vận tải luôn đạt và vượt mức kế hoạch đề ra; vận tải hàng hóa có tốc độ tăng trưởng bình quân 11,87%/năm về khối lượng vận chuyển và 7,1%/năm về khối lượng luân chuyển. Vận tải hành khách có tốc độ tăng trưởng bình quân 11,75%/năm về khối lượng vận chuyển và 10,4%/năm về khối lượng luân chuyển. Tốc độ tăng trưởng luôn cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước. Chất lượng dịch vụ vận tải có sự cải thiện vượt bậc, xuất hiện nhiều phương tiện hiện đại, chất lượng cao, nhất là vận tải hàng không, tăng gấp 5 lần năm 2011, cao nhất trong tất cả các lĩnh vực.

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được thực hiện đồng bộ các giải pháp như hoàn thiện hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo đảm, trật tự ATGT; hoàn thành và kịp thời đưa vào khai thác có hiệu quả các dự án, công trình hạ tầng giao thông quy mô lớn, hiện đại; làm tốt công tác sửa chữa, bảo trì, khắc phục các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên hệ thống hạ tầng giao thông các lĩnh vực; công tác đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép cho người điều khiển phương tiện trên tất cả các lĩnh vực đã được siết chặt; thực hiện tốt công tác đăng kiểm phương tiện và chủ trì cũng như phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác đăng ký phương tiện nhờ đó công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tai nạn giao thông giảm liên tiếp trong 5 năm liền trên cả 3 tiêu chí. Giai đoạn 2016-2020, số vụ giảm 42,7%, số người chết giảm 19% và số người bị thương giảm 53,91% so với giai đoạn 2011 - 2016, đạt chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao.

Công tác hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực giao thông vận tải ngày càng trở nên sâu rộng, nhiều điều ước, thỏa thuận quốc tế đã được ký kết, đã mang lại nhiều thuận lợi cho ngành GTVT và góp phần tích cực cho sự phát triển, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Công tác phối hợp với các bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tiến độ triển khai các dự án quan trọng quốc gia về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý hoạt động vận tải gắn với việc phòng, chống dịch covid 19, công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông... đã được triển khai thực hiện hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đạt được, giai đoạn vừa qua vẫn còn có những khó khăn, tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục như:

Hệ thống chính sách, pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, quản lý vận tải,... chưa đồng bộ, đầy đủ, chưa kịp thời ở một số lĩnh vực nên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thực tiễn. Hệ thống hạ tầng GTVT vẫn còn thiếu đồng bộ, tính kết nối vẫn chưa cao, chi phí vận tải chưa hợp lý và giảm hiệu quả khai thác vận tải. Chất lượng dịch vụ vận tải đường sắt, đường thủy nội địa còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Thị phần vận tải chưa hợp lý, số lượng doanh nghiệp vận tải, dịch vụ logistics có đủ năng lực dẫn dắt thị trường và cạnh tranh quốc tế còn ít. Đầu tư cho khoa học công nghệ trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao vẫn còn hạn chế. Các quy định về bảo vệ môi trường còn nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát còn chồng chéo, chưa có cơ chế giám sát đồng bộ ngay từ những khâu đầu để tăng cường tính phòng ngừa, cảnh báo, ngăn chặn kịp thời.

Chưa có sự thống nhất chung trong quản lý nhà nước về quy hoạch như quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch ngành do Bộ KH&ĐT chủ trì và quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng chủ trì, dẫn đến trong quá trình áp dụng còn bất cập, đặc biệt là quy định và phân loại về quy hoạch vùng (lãnh thổ) và quy hoạch công trình cụ thể (ví dụ: Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 thiếu quy định cụ thể về quy hoạch chi tiết các công trình tuyến như các tuyến cao tốc tuyến đường sắt...). Các quy hoạch ngành GTVT thường lập trên cơ sở các quy hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch sử dụng đất. Tuy nhiên các quy hoạch này chưa đáp ứng yêu cầu định hướng chủ đạo cho quy hoạch giao thông nên ảnh hưởng đến chất lượng quy hoạch, thiếu tầm nhìn, sớm bị lạc hậu. Tính đồng bộ trong triển khai quy hoạch giữa các ngành, lĩnh vực, giữa quy hoạch chuyên ngành với quy hoạch ngành chưa cao, nhiều khi trong lập, triển khai quy hoạch phải điều chỉnh theo những điều khoản, nội dung đã được phê duyệt trước đó ảnh hưởng đến chất lượng đề án. Cân đối vốn thực hiện quy hoạch gặp nhiều khó khăn, không đáp ứng nhu cầu theo tiến trình đề xuất trong các quy hoạch. Nguồn lực NSNN bố trí cho đầu tư phát triển KCHTGT chưa đáp ứng đủ, chưa tương xứng, đồng bộ so với định hướng, mục tiêu đặt ra³⁶. Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển KCHTGT còn khó khăn, do các dự án đòi hỏi nguồn vốn lớn, tính hiệu quả về mặt tài chính thấp, chưa có hệ thống văn bản QPPL đầy đủ, thiếu những chính sách khuyến khích đầu tư thích đáng và tạo sự chủ động cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và đặc biệt là chưa có cơ chế chia sẻ rủi ro giữa nhà nước và nhà đầu tư theo thông lệ quốc tế. Những nguyên nhân này dẫn đến trong thời gian qua, một số tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài đã đến Việt Nam bày tỏ quan tâm đầu tư nhưng phần lớn mới chỉ dừng lại ở nghiên cứu, khảo sát thị trường.

Tại một số công trình, dự án trọng điểm đang triển khai vẫn còn khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu là do vốn đầu tư không đáp ứng yêu cầu, cơ chế giải ngân phức tạp, công tác lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu còn nhiều vướng mắc, các quy định của pháp luật liên quan đến đầu tư xây dựng nói chung còn nhiều bất cập, chưa có nhiều cơ chế đặc thù áp dụng đối với các dự án trọng điểm hoặc dự án cấp bách; một số dự án lớn hơn 10.000 tỷ đồng khi điều chỉnh tổng mức đầu tư cần báo cáo Quốc hội thông qua do hình thành yếu tố quan trọng quốc gia..., ảnh hưởng đến tiến độ chung của nhiều dự án đang và sắp triển khai như: hiện nay, còn 06 dự án trọng điểm đang triển khai chậm tiến độ (Dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành và 05 dự án đường sắt đô thị); công tác triển khai một số dự án mới cũng còn chậm.

Công tác GPMB vẫn luôn khó khăn, phức tạp, nếu không có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của địa phương thì sẽ làm kéo dài tiến độ thi công các công trình, phát sinh chi phí đầu tư, chậm đưa vào khai thác sử dụng, làm giảm hiệu quả đầu tư. Sự phối kết hợp giữa các bộ, ngành, các địa phương chưa cao, đặc biệt là trong quản lý thực hiện quy hoạch, huy động vốn, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình đầu tư.

Vốn dành cho công tác duy tu, sửa chữa định kỳ còn thiếu so với nhu cầu³⁷; công tác bảo trì lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa còn khó khăn do quy định về đồ thải, có năm không giải ngân hết được số vốn đã bố trí.

Một số mục tiêu đặt ra trong nghị quyết, chiến lược, quy hoạch phát triển ngành GTVT đến năm 2020 chưa đạt, một số chỉ tiêu thực hiện còn chậm so với mục tiêu tại Nghị quyết 13-NQ/TU và quy hoạch đường bộ cao tốc³⁸.

Năm 2020, sản lượng, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải giảm sút trầm trọng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhất là đối với lĩnh vực đường sắt và hàng không.

Tốc độ gia tăng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ cao, xe mô tô và xe gắn máy tham gia giao thông chưa được kiểm định định kỳ đang là nguồn phát thải lớn chất gây ô nhiễm không khí, đặc biệt tại các đô thị.

Giai đoạn 2016 - 2020, số người chết vì TNGT đã giảm hơn 9.372 người so với giai đoạn 2011 - 2015 (giảm 19%), nhưng trong 5 năm qua vẫn có hơn 39.917 người chết vì TNGT; bên cạnh đó, còn xảy ra nhiều vụ TNGT nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Vi phạm trật tự ATGT vẫn còn diễn ra khá phổ biến, vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gia tăng TNGT; trong khi phương tiện tham gia giao thông tiếp tục tăng, cơ sở hạ tầng giao thông tuy được cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Tình hình ùn tắc giao thông ở thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh chưa giải quyết được triệt để đang là vấn đề bức xúc của xã hội.

Nguồn lực đầu tư xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Chưa hoàn thành xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Phần thứ hai
CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2021, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Trên cơ sở phát huy, kế thừa những kết quả đạt được, khắc phục các tồn tại, hạn chế của năm 2020 và giai đoạn 2016 – 2020, Bộ GTVT bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, phương châm hành động theo từng năm của Chính phủ, tập trung bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch của năm 2021, giai đoạn 2021 – 2025, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu dừng lại; bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh đang ảnh hưởng ngày càng bất lợi cho các hoạt động kinh tế trong nước. Kế hoạch năm 2021 của ngành GTVT được xây dựng theo hướng dịch bệnh sớm được khống chế, tình hình kinh tế trong nước ngày càng khả quan so với các tháng đầu năm 2020. Trước mắt, Bộ GTVT dự kiến nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành năm 2021, giai đoạn 2021 - 2025 trên các mặt công tác như sau:

KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Vận tải: Dự kiến năm 2021, hoạt động vận tải ổn định, dần phục hồi trong điều kiện dịch Covid 19 được kiểm soát tốt, vận chuyển hành khách tăng từ 5 đến 6%, vận tải hàng hóa tăng đến 10%, hàng thông qua cảng biển tăng 7 - 8% so với năm 2020.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển: Hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2021 với số vốn dự kiến giải ngân là 46.005 tỷ đồng.

3. Bảo đảm TTATGT và khắc phục ùn tắc giao thông: Thực hiện năm ATGT 2021 với chủ đề “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật bảo đảm trật tự ATGT”, kéo giảm TNGT từ 5-10% cả 3 tiêu chí số vụ, số người chết, bị thương so với năm 2020; kéo giảm ùn tắc giao thông tại các thành phố lớn, đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, đề án

Tập trung thực hiện xây dựng, kịp thời trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các văn bản QPPL, đề án, chiến lược, quy hoạch đã đăng ký trong chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, tập trung hoàn thiện dự án Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến, xem xét thông qua; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chiến lược GTVT toàn ngành, các quy hoạch ngành GTVT (thực hiện theo Luật Quy hoạch) bảo đảm chất lượng, trình

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đúng hạn; hoàn thành xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành 24 thông tư và 17 đề án.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức thực hiện, tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật. Rà soát các văn bản QPPL để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới các quy định cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

2. Công tác cải cách hành chính

Tiếp tục tổ chức sắp xếp lại một số cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị sắp xếp kiện toàn lại tổ chức bộ máy theo đề án, phương án được duyệt để thực hiện Nghị quyết của Trung ương, các Nghị định của Chính phủ.

Tổ chức xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ công chức, viên chức theo Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ.

Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số Bộ GTVT theo hướng lấy người dân là trung tâm phục vụ. Tiếp tục xây dựng, cung cấp các dịch vụ công mức độ 3,4 và tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia. Xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hướng tới quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu số.

Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa số quy định và chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Công tác quản lý đầu tư xây dựng, khai thác KCHTGT

Công tác đầu tư xây dựng, phát triển KCHTGT

Tập trung thúc đẩy tiến độ xây dựng các dự án giao thông quan trọng: Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, cao tốc Bến Lức – Long Thành, Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên, Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc, các dự án đường bộ, đường sắt quan trọng, cấp bách; các dự án ODA chuyển tiếp; đẩy nhanh thủ tục triển khai các dự án ODA mới bổ sung, các dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách nhà nước, các dự án sử dụng vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, chú trọng giải quyết các khoản nợ thuộc nghĩa vụ ngân sách, bao gồm: hoàn ứng trước kế hoạch, trả nợ đọng xây dựng cơ bản và nợ khối lượng hoàn thành các dự án triển khai giai đoạn trước, trả nợ tới hạn các dự án BT, nợ địa phương, doanh nghiệp ứng vốn thực hiện dự án trước năm 2016.

Hoàn thành và đưa vào khai thác các tuyến đường sắt đô thị đang triển khai tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; triển khai các dự án: CHKQT Long Thành giai đoạn 1, cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ giai đoạn 1, Nâng cấp kênh Chợ Gạo giai đoạn 2, Luồng cho tàu tải trọng lớn vào sông Hậu giai đoạn 2; tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng CHKQT Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng...

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý ngay những vướng mắc liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình, xử lý kịp thời những tồn tại về chất lượng, sự cố công trình; nghiêm khắc xử lý trách nhiệm của những tập thể, cá nhân có liên quan; tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng trong đầu tư xây dựng; chấn chỉnh, nâng cao năng lực của các chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn thiết kế, giám sát; rà soát loại ngay các nhà thầu có năng lực yếu kém ra khỏi các dự án của ngành. Xây dựng các quy định cụ thể về công tác kiểm định chất lượng phục vụ việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ GTVT, trách nhiệm của đơn vị tư vấn kiểm định và các tổ chức liên quan.

Công tác quản lý, khai thác, bảo trì KCHTGT

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về xã hội hóa công tác bảo trì KCHTGT. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ hành lang đường bộ, đường sắt; các tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa... Tiếp tục xử lý các tồn tại, bất cập tại các trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ, trên nguyên tắc khả thi về phương án tài chính, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên: người sử dụng, nhà đầu tư, nhà nước. Triển khai nhanh, đồng bộ và hiệu quả hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng.

Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, vật liệu mới trong lĩnh vực bảo trì; xây dựng, vận hành khai thác có hiệu quả các trung tâm quản lý điều hành giao thông thông minh (ITS). Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo trì KCHTGT theo quy định.

Tập trung ưu tiên sửa chữa bảo trì trên các tuyến đường trọng yếu như QL.1, đường Hồ Chí Minh và các quốc lộ khác có lưu lượng xe tăng trưởng cao.

4. Công tác quản lý vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tiếp tục theo dõi, cập nhật diễn biến tình hình dịch Covid -19 và bám sát chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia để triển khai nghiêm túc công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới gắn với yêu cầu phục hồi thị trường vận tải trong nước.

Tiếp tục tái cơ cấu thị phần vận tải theo hướng giảm thị phần vận tải đường bộ, tăng thị phần các phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường sắt; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, giảm chi phí logistics.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phối hợp với các địa phương về công tác quản lý vận tải hành khách và tổ chức giao thông công cộng; đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tăng cường tiếp xúc, đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải và phối hợp các hiệp hội vận tải, hiệp hội nghề nghiệp, hiệp hội chủ hàng để trao đổi, nắm bắt và tiếp nhận thông tin để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương thanh tra, kiểm tra để ngăn chặn, xử lý tình trạng xe dù, bến cóc, xe chở hàng quá tải trọng,

xe khách trá hình, chạy quá tốc độ, sử dụng các chất kích thích trong điều khiển phương tiện vận chuyển hành khách, hàng hóa.

5. Công tác bảo đảm TTATGT, giảm ùn tắc giao thông, PCTT&TKCN

Công tác bảo đảm TTATGT, giảm ùn tắc giao thông

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về đảm bảo TTATGT theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ với mục tiêu tiếp tục kiềm chế, giảm tai nạn giao thông từ 5 - 10% so với năm 2020 ở cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; khắc phục ùn tắc giao thông trên các trục giao thông chính, các đầu mối giao thông trọng điểm và các đô thị trực thuộc trung ương.

Triển khai thực hiện Đề án “Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp về bảo đảm an toàn giao thông tại các đề án đã được phê duyệt: Đề án “các giải pháp bảo đảm TTATGT đường thủy nội địa trong tình hình mới”, Đề án “nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng đào tạo, sát hạch và quản lý giấy phép lái xe đảm bảo an toàn giao thông”.

Nâng cao điều kiện ATGT đối với KCHTGT; xử lý hiệu quả các điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT, các vị trí đường ngang đường sắt; thực hiện đồng bộ công tác thẩm định, thẩm tra ATGT. Phối hợp với các lực lượng của Bộ Công an và các địa phương tăng cường điều tiết, bảo đảm TTATGT; triển khai có hiệu quả công tác KSTTX.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông với hình thức và nội dung phong phú, phù hợp với mọi đối tượng tham gia giao thông để mọi người hiểu, đồng thuận với các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tự giác chấp hành và tích cực tham gia cùng các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ bảo đảm TTATGT. Đặc biệt là Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.

Công tác PCTT&TKCN

Tiếp tục xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai, thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/4/2020 của Ban Bí thư về Tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và Chỉ thị 36/CT-TWPCTT ngày 16/4/2019 của Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai; củng cố việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn bảo đảm tập trung, thống nhất, đáp ứng nhiệm vụ, yêu cầu trong tình hình mới.

Thực hiện nghiêm các chỉ thị, quyết định và công điện của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn. Kịp thời chỉ đạo triển khai ứng phó với bão, lũ và nhanh chóng bảo đảm giao thông, khắc phục hậu quả do bão, lũ gây ra.

6. Công tác sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện báo cáo tình hình thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 06/06/2013 của Bộ Chính trị về Đề án tiếp tục tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, của Thủ tướng chính phủ.

Phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành chuyển giao quyền đại diện

chủ sở hữu nhà nước tại Công ty CP Bệnh viện GTVT, Tổng công ty Xây dựng đường thủy về SCIC, Tổng công ty Cửu Long về Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo chủ trương được phê duyệt.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát tài chính, đầu tư, đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ GTVT.

7. Công tác hợp tác quốc tế

Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành liên quan làm việc với các đối tác về phương án từng bước khôi phục các chuyến bay thương mại đến khu vực có hệ số an toàn cao nhằm thực hiện mục tiêu kép trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục củng cố, tăng cường kết nối GTVT với các nước láng giềng, có quan hệ truyền thống như Lào, Campuchia, Trung Quốc; tăng cường hợp tác song phương trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng GTVT với các đối tác quan trọng như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Úc và EU để tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại, chia sẻ kinh nghiệm về quản lý, đầu tư và phát triển GTVT; Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB, JICA, EDCF,...

Tích cực và chủ động trong hợp tác GTVT ASEAN; tiến hành đàm phán với các nước ASEAN về Nghị định thư thực hiện Gói cam kết thứ 12 trong khuôn khổ Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ; thúc đẩy đàm phán các điều ước quốc tế giữa ASEAN và các nước đối tác như các Hiệp định hàng không ASEAN – EU, ASEAN – Niu-Di-lân, ASEAN – Nhật Bản, ASEAN – Hàn Quốc. Thúc đẩy hơn nữa hợp tác trong khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) cũng như trong các khuôn khổ Mê Công – Lan Thương, Mê Công – Mỹ, Mê Công – Sông Hàn, Mê Công - Nhật Bản.

8. Công tác khoa học - công nghệ và môi trường

Công tác khoa học - công nghệ

Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án nâng cao năng lực ngành GTVT tiếp cận và tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý và quản trị doanh nghiệp; tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch chỉnh sửa các tiêu chuẩn, quy chuẩn về GTVT đáp ứng yêu cầu quản lý và thực tế sản xuất hài hòa với quy định quốc tế; đẩy mạnh tự động hóa trong quy trình đăng kiểm phương tiện giao thông, nâng cao năng suất, chất lượng và minh bạch; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, các công nghệ mới, vật liệu mới trong công tác xây dựng, bảo trì, khai thác, vận hành các công trình giao thông.

Công tác môi trường

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kế hoạch hành động của Bộ về thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình, Kế hoạch hành động của Bộ về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 -

2025; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

Triển khai áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; tiếp tục triển khai lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình giao thông và trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ GTVT.

Xúc tiến và tổ chức triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các nhiệm vụ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra; phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra, kiểm tra, trong đó chú trọng công tác rà soát, phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cấp có thẩm quyền kịp thời nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước.

Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực công tác. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo với tinh thần giải quyết dứt điểm, không để tồn đọng đơn thư, vụ việc. Tăng cường công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng; phát hiện và xử lý triệt để vi phạm (nếu có), công khai minh bạch các thông tin có liên quan đến hoạt động thanh tra.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Bộ, của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm triệt để, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển

Rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Bộ luật, Luật liên quan, ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật; bãi bỏ các nội dung còn chồng chéo giữa các luật liên quan đến quản lý, huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng KCHTGT, đất đai, vận tải. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chiến lược GTVT toàn ngành, Quy hoạch phát triển 5 chuyên ngành GTVT (theo Luật Quy hoạch 2018) đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch phát triển GTVT, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, bảo đảm hiệu quả và tính khả thi. Coi trọng công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch.

Tổng kết Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Đường thủy nội địa để xem xét, nghiên cứu, đề xuất lập đề nghị xây dựng Luật trình Chính phủ; đồng thời, tổ chức tổng kết 05 năm triển khai thực hiện Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Luật Đường sắt; Xây dựng trình Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua; Tiếp tục rà soát để sửa đổi hoặc xây dựng mới các văn bản QPPL nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ và phù hợp với thực tiễn; Tiếp tục cải cách và cắt giảm các TTHC trong các văn bản QPPL nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

2. Công tác cải cách hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách hành chính, xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, Đề án nâng cao năng lực ngành GTVT tiếp cận và tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; kiện toàn và nâng cao năng lực của bộ máy trong quyết định đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện chức năng chủ đầu tư, chủ sở hữu nhà nước đối với các dự án KCHTGT; ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác KCHT giao thông. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ từ các tổ chức tư vấn quốc tế có năng lực, kinh nghiệm.

3. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

Tập trung phát triển các công trình hạ tầng lớn, hiện đại, có sức lan tỏa; ưu tiên cải tạo, mở rộng các cảng hàng không lớn và các cảng hàng không có nhu cầu vận tải lớn; cải tạo các quốc lộ trọng yếu, liên vùng, xóa các điểm đen về TNGT; hoàn thành các dự án đường sắt dở dang, cải tạo các nút thắt để nâng cao năng lực thông qua của đường sắt hiện có, nghiên cứu xây dựng đường sắt kết nối vào các cảng biển đầu mối; cải tạo, nâng cấp các hành lang vận tải thủy quan trọng, nâng tĩnh không một số cầu đảm bảo đồng bộ về kỹ thuật phục vụ phát triển vận tải container, hàng hoá chuyên dụng, khối lượng lớn trên đường thủy nội địa phía Bắc, phía Nam và kết nối cảng biển; đầu tư đảm bảo đồng bộ các cảng biển cửa ngõ quốc

té và một số cảng biển có nhu cầu vận tải lớn; phát triển hệ thống cảng cạn:

Đường bộ: Tập trung đầu tư hoàn thành toàn tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, triển khai đầu tư một số tuyến đường bộ cao tốc kết nối trung tâm kinh tế, đặc biệt là các tuyến vành đai hoặc kết nối với trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Dự kiến mục tiêu đến hết năm 2025 có khoảng 3.858 km đường cao tốc³⁹. Cải tạo, nâng cấp khoảng 3.000 km đường quốc lộ tại các vùng trọng yếu; xây dựng, cải tạo các cầu yếu trên hệ thống quốc lộ, xây dựng cầu thay thế các bến phà. Tăng cường công tác bảo trì, sửa chữa hạ tầng đường bộ; từng bước xóa ngầm, tràn, điếm đen về TNGT trên quốc lộ; hoàn thiện hệ thống ATGT đường bộ; xây dựng, vận hành khai thác có hiệu quả các trung tâm quản lý điều hành giao thông thông minh (ITS) theo hướng hiện đại, hiệu quả; Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, bảo trì, vận hành.

Đường sắt: Tập trung cải tạo các điếm nghẽn và nâng cấp để khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, ưu tiên Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh; Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Lào Cai. Xóa bỏ các lối đi tự mở trên mạng đường sắt quốc gia⁴⁰. Hoàn thành và đưa vào khai thác các tuyến đường sắt đô thị đang triển khai tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu và xúc tiến đầu tư đối với các tuyến đường sắt đô thị tại các thành phố lớn theo quy hoạch.

Đường thủy nội địa: Cải tạo, nâng cấp các hành lang vận tải thủy quan trọng, đặc biệt nâng cấp tinh không thông thuyền các cầu, cùng với hệ thống kết nối và hạ tầng kỹ thuật khác đảm bảo đồng bộ phục vụ phát triển vận tải container, hàng hoá chuyên dụng, khối lượng lớn, bao gồm: kênh nối Đáy - Ninh Cơ, cầu Đuống (trên hành lang số 1, phía Bắc), nâng cấp kênh Chợ Gạo giai đoạn 2, các hành lang đường thủy và logistic khu vực phía Nam; kêu gọi đầu tư một số cảng thủy nội địa đầu mối ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng Bắc bộ. Đảm bảo khả năng kết nối và thị phần đảm nhận cao của vận tải thủy từ vùng đồng bằng Bắc Bộ đến bến cảng quốc tế Lạch Huyện; vùng đồng bằng sông Cửu Long đến cảng quốc tế Thị Vải-Cái Mép, vận tải ven biển. Tăng cường áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác tối ưu, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Hàng hải: Đầu tư các cảng biển, luồng tuyến để đảm bảo đồng bộ về quy mô và nhu cầu khai thác, như: xây dựng các bến cảng - Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện; luồng vào cảng Cái Mép, luồng vào khu nước Cẩm Phả; xây dựng bến Liên Chiểu (cảng Đà Nẵng); đầu tư luồng hàng hải vào các bến cảng Khu vực Nghi Sơn, Thanh Hóa; cải tạo, nâng cấp một số luồng, cảng có nhu cầu vận tải lớn. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đèn biển, thông tin báo hiệu hàng hải và cơ sở vật chất ngành hàng hải phục vụ mục tiêu khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo của đất nước; đầu tư hệ thống cảng cạn; các khu neo đậu tránh bão.

Hàng không: Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng CHKQT Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng và đầu tư giai đoạn 1 CHKQT Long Thành. Nâng cấp, xây dựng các cảng hàng không khác theo quy hoạch và nhu cầu vận tải như: Điện Biên, Cát Bi, Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Chu Lai, Cam Ranh, Phan Thiết, Phú Quốc... Đầu tư hạ tầng quản lý hoạt động bay áp dụng công nghệ mới để đảm bảo an toàn khai thác hệ thống.

4. Đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành vận tải

Tiếp tục tái cơ cấu thị phần vận tải theo hướng giảm thị phần vận tải đường bộ, tăng thị phần các phương thức vận tải đường thủy nội địa và đường sắt; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, giảm chi phí logistics⁴¹. Phát triển hệ thống cảng cạn theo quy hoạch được duyệt để hỗ trợ hệ thống cảng biển và dịch vụ logistics, đặc biệt là ở khu vực phía Nam và phía Bắc.

Phát triển giao thông đô thị hướng tới văn minh, hiện đại, thân thiện môi trường, lấy giao thông công cộng làm nền tảng; từng bước xây dựng các tuyến vận tải hành khách khối lượng lớn tại các đô thị loại I; Tiếp tục phát triển mạng lưới đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo nâng cao tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt khoảng 20% - 25%.

5. Tăng cường bảo đảm TTATGT

Triển khai các giải pháp đồng bộ đảm bảo TTATGT, nhất là đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa. Giai đoạn 2021 – 2025, tiếp tục phấn đấu với mục tiêu giảm tai nạn giao thông từ 5 – 10% ở cả ba tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; bám sát chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đề án chính sách về bảo đảm TTATGT; trong đó chú trọng hoàn thiện Dự thảo Luật giao thông đường bộ (sửa đổi) với phạm vi điều chỉnh được giữ nguyên, kế thừa từ Luật Giao thông đường bộ năm 2001 và Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

Triển khai các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo đảm TTATGT, tập huấn nghiệp vụ liên quan tới quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu bia, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt nhằm từng bước nâng cao nhận thức của người dân.

Tiếp tục thực hiện nâng cao điều kiện an toàn giao thông đối với kết cấu hạ tầng giao thông; trong đó tập trung triển khai, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ các dự án trọng điểm của ngành giao thông vận tải; tiếp tục rà soát, xây dựng kế hoạch và triển khai xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong các lĩnh vực.

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe; trong đó, tập trung hoàn thành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe – ca bin học lái xe ô tô. Triển khai công tác giám sát, lưu trữ, quản lý dữ liệu camera trong quá trình tổ chức sát hạch tại các trung tâm sát hạch lái xe và chia sẻ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành giao thông vận tải theo kế hoạch và đột xuất, trong đó tập trung vào các nội dung: kiểm soát tải trọng phương tiện, hoạt động nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực GTVT; công tác quản lý, bảo trì KCHTGT; việc chấp hành các quy định về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo trì công trình đường sắt và đảm bảo ATGT đường sắt.

6. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực GTVT

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của Ban Cán sự đảng Bộ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kế hoạch hành động của Bộ về thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Lồng ghép thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình xây dựng, triển khai các quy hoạch, dự án đầu tư phát triển ngành GTVT. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình giao thông và trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ GTVT; tăng cường quản lý, sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Triển khai áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; tiếp tục triển khai lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu; tổ chức thực hiện công tác kiểm định về khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông theo quy định.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình, Kế hoạch hành động về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường giai đoạn 2021 - 2025. Xúc tiến và tổ chức triển khai các dự án hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các nhiệm vụ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh.

7. Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết quốc tế trong lĩnh vực GTVT của Việt Nam, đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế mang lại lợi ích thiết thực vụ mục tiêu phát triển của ngành GTVT.

Đẩy mạnh toàn diện và sâu sắc hơn quan hệ hợp tác GTVT giữa Việt Nam với các nước láng giềng có chung biên giới. Tiếp tục tăng cường hợp tác với các nước đối tác, các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực như phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, chuyển giao công nghệ phát triển hệ thống GTVT, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực GTVT, hỗ trợ hoạt động hợp tác quốc tế, đầu tư và mở rộng thị trường của các doanh nghiệp GTVT.

Tham gia tích cực và có trách nhiệm trong các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế trong đó ASEAN đóng vai trò trung tâm. Nâng cao tính chủ động, từng bước tăng cường vai trò và vị thế của GTVT Việt Nam tại các cơ chế hợp tác, diễn đàn quốc tế chuyên ngành GTVT. Nghiên cứu khả năng cử đại diện thường trực của Việt Nam tại một số tổ chức quốc tế chuyên ngành GTVT tiến tới xây dựng kế hoạch Việt Nam ứng cử thành viên Hội đồng các tổ chức này.

8. Các công tác trọng tâm khác

Tăng cường, nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy đảng trên tất cả các mặt công tác, nhất là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên.

Chú trọng công tác thông tin, truyền thông về các hoạt động của ngành; chủ động, kịp thời, công khai, minh bạch thông tin với báo chí và xã hội. Chủ động theo dõi những vấn đề dư luận xã hội và cử tri quan tâm; chủ động giải trình, kịp thời giải quyết có hiệu quả các kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Tăng cường công tác y tế dự phòng, chăm sóc, khám sức khỏe, chữa bệnh cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động toàn ngành và nhân dân. Tăng cường xã hội hóa công tác y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong ngành.

Quan tâm, chăm lo đời sống, bảo đảm việc làm cho người lao động và đẩy mạnh các phong trào thi đua, các hoạt động xã hội - từ thiện, nhất là công tác tri ân, đền ơn - đáp nghĩa.

Ngoài các nhiệm vụ trọng tâm nói trên, cấp ủy đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành phải tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan, tổ chức thực hiện một cách đồng bộ các nhiệm vụ công tác khác trên cơ sở chấp hành, thực hiện tốt các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; các nghị quyết, chỉ đạo, chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ GTVT cũng như kế hoạch năm 2021, giai đoạn 2021 - 2025 đã được Bộ thông qua trong từng lĩnh vực./.

Phần thứ ba

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành năm 2021 và những năm tiếp theo, Bộ GTVT kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quan tâm xử lý một số kiến nghị, đề xuất sau:

1. Các bộ, ngành và các địa phương phối hợp chặt chẽ, quyết liệt xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án trọng điểm, nhất là trong công tác GPMB đối với các dự án lớn, quan trọng như: đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, CHKQT Long Thành, mở rộng QL1 đoạn qua tỉnh Nghệ An và một số dự án ODA lớn.

2. Các bộ, ngành liên quan phối hợp, hỗ trợ Bộ GTVT xử lý các vướng mắc đối với dự án đường sắt đô thị Cát Linh-Hà Đông để sớm đưa dự án vào khai thác, vận hành, đảm bảo điều kiện tiếp tục giải ngân vốn nước ngoài cho dự án.

3. Cho phép bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đối với một số dự án cần thiết, cấp bách có khả năng giải ngân ngay khi được bố trí vốn, nhưng đã hết hạn mức kế hoạch trung hạn hoặc chưa có kế hoạch trung hạn, như: các dự án đầu tư công khẩn cấp cải tạo đường hạ cất cánh, đường lăn sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất; tuyến nối các cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và Hà Nội - Hải Phòng các dự án ODA đã hoàn thành cần bổ sung kế hoạch vốn nước ngoài để thực hiện thủ tục ghi thu, ghi chi quyết toán ngân sách; các dự án ODA mới có nhu cầu bổ sung kế hoạch để triển khai sớm công tác GPMB (Tuyến tránh Long Xuyên, Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc...).

4. Tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thống nhất phương án, xử lý dứt điểm các tồn tại, bất cập đối với các trạm thu phí đường bộ để hoàn vốn cho các dự án; chỉ đạo Bộ Công an và UBND các địa phương liên quan quyết liệt hơn trong công tác đảm bảo an ninh trật tự tại các trạm thu phí, có biện pháp xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 82/CĐ-TTg ngày 18/01/2018.

5. Bộ Tài chính sớm hướng dẫn thủ tục thanh toán cho các dự án BT, đặc biệt thủ tục chi trả cho nhà đầu tư của dự án cao tốc Hà Nội-Hải Phòng; tạo điều kiện xử lý nhanh thủ tục thủ tục điều chỉnh, điều chỉnh vốn ngân sách giữa nguồn vốn TPCP và nguồn vốn ngân sách để đảm bảo có thể giải ngân hết nguồn vốn được Chính phủ giao.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ phối hợp, hỗ trợ xử lý nhanh các thủ tục điều chỉnh cơ cấu TMĐT, cơ cấu khoản vay của một số dự án ODA để đảm bảo điều kiện giải ngân kế hoạch, như: dự án WB5 hợp phần đường sông để trả các khoản chi GPMB đã ứng trước của địa phương, dự án Lộ Tê - Rạch Sỏi để hoàn trả các khoản chi GPMB không đúng quy định của nhà tài trợ, sử dụng vốn dự án cầu Hưng Hà...

Phụ lục

¹ Quyết định số 2982/QĐ-BGTVT ngày 22/9/2016.

² ⁽¹⁾ Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ Bảo trì đường bộ; ⁽²⁾ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; ⁽³⁾ Nghị định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ và đường thủy nội địa; ⁽⁴⁾ Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua bán, đóng mới tàu biển.

³ Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng.

⁴ Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT; Quy định về công tác luân chuyển cán bộ đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ GTVT; Quy định về phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ GTVT và Quy định về trình tự, thủ tục, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Bộ GTVT; 02 Quy định về việc nghỉ của công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ GTVT; quy định về số lượng cấp phó các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; quy định việc quản lý người đại diện của Bộ tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

⁵ ⁽¹⁾ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt, ⁽²⁾ Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, ⁽³⁾ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa, ⁽⁴⁾ Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, ⁽⁵⁾ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, ⁽⁶⁾ Nghị định số 144/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 sửa đổi, bổ sung các Nghị định về vận tải đa phương thức, ⁽⁷⁾ Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, ⁽⁸⁾ Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, ⁽⁹⁾ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/1/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, ⁽¹⁰⁾ Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa..

⁶ Nhật Tân - Nội Bài, Nội Bài - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Bắc Giang, Hà Nội - Hải Phòng, Pháp Vân - Giẽ - Ninh Bình, Hòa Lạc - Hòa Bình.

⁷ QL 2, 3, 6, 10, 18, 21B, 32, QL8, QL19, QL24, QL20, QL51, QL80, QL91...

⁸ Cầu Nhật Tân, Bạch Đằng, Vĩnh Thịnh, Hưng Hà, Thái Hà ở phía Bắc; các cầu Nguyệt Viên, Bến Thủy 2, cầu Rồng và các hầm Đèo Cả, Cù Mông, Hải Vân 2, Phú Gia, Phước Tượng ở Miền Trung; các cầu Cổ Chiên, Mỹ Lợi, Cao Lãnh, Vàm Cống, Đồng Nai ở phía Nam,....

⁹ Dự kiến phân bổ 11,2% tỷ trọng toàn ngành, tuy nhiên chỉ thực hiện được 4%.

¹⁰ Các dự án: nâng cấp cải tạo một số cầu yếu trên tuyến Bắc - Nam, hệ thống thông tin tín hiệu, gia cố sửa chữa các hầm trên đèo Hải Vân, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai giai đoạn 1, đưa vào khai thác đường sắt kết nối vào cảng Cái Lân...

¹¹ Khu vực phía Bắc đã cải tạo 7/17 tuyến với chiều dài 945, 5km (đạt 41%); miền Nam cải tạo được 9/18 tuyến với chiều dài 2.303,9km (đạt 67%); miền Trung đã cải tạo 1/10 tuyến với chiều dài 63,5km (đạt 13%).

¹² ICD Trường Thọ (TP. HCM), ICD Hải Linh (Việt Trì), ICD Bắc Kỳ (Bắc Ninh).

¹³ Và nâng cấp các CHK khác gồm Cam Ranh, Cần Thơ, Vinh, Liên Khương, Pleiku, Thọ Xuân, Cát Bi.

¹⁴ Duy trì 22 năm liên tục không xảy ra tai nạn tàu bay có thiệt hại về người.

¹⁵ Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh-Hà Đông; Dự án cải tạo, nâng cấp luồng sông Sài Gòn đoạn từ cầu đường sắt Bình Lợi tới cảng Bến Súc theo hình thức Hợp đồng BOT; Dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp mở rộng 04 đoạn tuyến QL60 nối từ cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên thuộc địa bàn tỉnh Bến Tre theo hình thức Hợp đồng BOT...

¹⁶ Đội tàu bay của các hãng hàng không trong nước trẻ, hiện đại và đồng bộ; mạng đường bay phủ kín các vùng miền đất nước và mở rộng ra khu vực, châu lục (thêm nhiều điểm đến mới ở châu Âu, châu Mỹ, Trung Đông, châu Phi,...); Vietnamairlines 4 năm liên tiếp nhận chứng chỉ Hãng hàng không quốc tế 4 sao từ Tổ chức đánh giá và xếp hạng hàng không Anh Skytrax.

¹⁷ Sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không ước đạt 66 triệu khách và 1,3 triệu tấn hàng hóa, giảm tương ứng 43,4% về hành khách và 15,6% về hàng hóa so với năm 2019; luân chuyển về hành khách đạt 34 triệu Hk.km và luân chuyển về hàng hóa đạt 3,6 triệu tấn.km, giảm tương ứng 56% về luân chuyển hành khách và 54% về hàng hóa so với năm 2019.

¹⁸ Năm 2016: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Quyết định, 09 Công điện, 05 Chỉ thị; Chủ tịch Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia đã ban hành 23 Công điện, 15 Kế hoạch. Năm 2017: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 05 Công điện, 03 Chỉ thị; Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia đã ban hành 11 Thông báo kết luận. Năm 2018: Chính phủ đã ban hành 02 Nghị Quyết, 08 văn bản; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 04 Công điện, 03 Chỉ thị; Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia đã ban hành 01 Kế hoạch và 04 Thông báo kết luận. Năm 2019: Chính phủ đã ban hành 02 Nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 06 Công điện; Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia đã ban hành 05 Thông báo kết luận. Từ đầu năm 2020 đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Chỉ thị, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông quốc gia đã ban hành 01 Công điện về việc tăng cường công tác bảo đảm trật tự, ATGT.

¹⁹ Năm 2016, tổ chức tổng kết Luật Giao thông đường bộ; Chính phủ ban hành 10 Nghị định, 01 Đề án; Bộ GTVT ban hành 29 Thông tư, 02 Đề án. Năm 2017, trình Quốc hội thông qua Luật Đường sắt; Chính phủ ban hành 09 Nghị định; Bộ GTVT ban hành 10 Thông tư, 01 Quyết định cá biệt. Năm 2018, Chính phủ ban hành 12 Nghị định, 02 Đề án; Bộ GTVT ban hành 20 Thông tư. Năm 2019, Chính phủ ban hành 05 Nghị định, 03 Đề án; Bộ GTVT ban hành 29 Thông tư. Từ đầu năm 2020 đến nay, Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định, đang chỉ đạo triển khai xây dựng 01 Đề án; Bộ GTVT ban hành 04 Thông tư.

²⁰ Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020.

²¹ Quyết định số 1404/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2020.

²² Năm 2016, toàn quốc xảy ra 21.589 vụ tai nạn giao thông, làm chết 8.685 người, làm bị thương 19.280 người; so với năm 2015, giảm 1.261 vụ (giảm 5,52%), giảm 43 người chết (giảm 0,49%), giảm 1.792 người bị thương (giảm 8,5%). Năm 2017, toàn quốc xảy ra 20.080 vụ tai nạn giao thông, làm chết 8.279 người, bị thương 17.040 người; so với năm 2016, giảm 1.509 vụ (giảm 6,99%), giảm 406 người chết (giảm 4,67%), giảm 2.240 người bị thương (giảm 11,62%). Năm 2018, toàn quốc xảy ra 18.736 vụ tai nạn giao thông, làm chết 8.248 người, bị thương 14.802 người; so với cùng kỳ năm 2017, giảm 1.348 vụ (giảm 6,71%), giảm 33 người chết (giảm 0,40%), giảm 2.238 người bị thương (giảm 13,13%). Năm 2019, toàn quốc xảy ra 17.626 vụ tai nạn giao thông, làm chết 7.624 người, bị thương 13.624 người; so với cùng kỳ năm 2018, giảm 939 vụ (giảm 5,06%), giảm 587 người chết (giảm 7,15%), giảm 934 người bị thương (giảm 6,42%). Trong 11 tháng đầu năm 2020, toàn quốc xảy ra 12.985 vụ tai nạn giao thông, làm chết 6.048 người, bị thương 9.652 người. So với 11 tháng đầu năm 2019, số vụ TNGT giảm 2.900 vụ (giảm 18,26%), số người chết giảm 927 người (giảm 13,29%), số người bị thương giảm 2.492 người (giảm 20,52%).

²³ Nghiên cứu chế tạo thiết bị 3D-H phục vụ công tác thử nghiệm xe cơ giới; Nghiên cứu chế tạo các thiết bị kiểm tra, thử nghiệm chuyên dùng trong công nghiệp ô tô thay thế cho thiết bị ngoại nhập (thiết bị đo góc lật ngang tĩnh, thiết bị kiểm tra lớp xe ô tô khách, thiết bị thử độ bền cơ học kính chắn gió ô tô bằng chùy thử, thiết bị kiểm tra độ méo ngang của kính chắn gió ô tô, thiết bị thử độ bền va đập của vành hợp kim nhẹ ô tô, thiết bị kiểm tra tốc độ cháy ngang của vật liệu trong thiết kế nội thất xe cơ giới, thiết bị thử độ mỏi góc của vành hợp kim nhẹ ô tô, thiết bị kiểm tra hệ số phản xạ của gương ô tô); nghiên cứu chế tạo thử nghiệm hệ thống giám sát tập trung từ xa thiết bị cảnh báo đường ngang tự động sử dụng công nghệ truyền thông không dây; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh để khử mùi trong các toa xe khách lắp đặt điều hòa không khí; Nghiên cứu thiết kế điển hình hệ thống tín hiệu móc nối giữa tín hiệu cảnh báo đường sắt và đường bộ tại các đường ngang giao cắt đồng mức; nghiên cứu thử nghiệm và sản xuất thử nghiệm các loại tà vẹt BTCT DWL thay thế tà vẹt sắt, tà vẹt gỗ; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và lắp đặt thử nghiệm hệ thống đèn biển kép cấp I phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải; Nghiên cứu chế tạo thử nghiệm Hệ thống thiết bị nhận dạng tự động AIS dùng cho báo hiệu hàng hải; Thực nghiệm quan trắc và tính toán xác định các mặt chuẩn hải đồ các tuyến luồng khu vực hải phòng phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng hải; Nghiên cứu ứng dụng nhiên liệu sinh học gốc thay thế diesel cho động cơ tàu thủy cỡ nhỏ; Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống la bàn từ kỹ thuật số cho tàu thủy...

²⁴ Hiện nay, các công nghệ mới, vật liệu mới đã được áp dụng vào công tác xây dựng, bảo trì các dự án công trình giao thông như công nghệ cào bóc tái chế nguội (áp dụng tại các dự án bảo trì QL1, QL2, QL4E, QL4G, QL70,...), công nghệ Microsurfacing (áp dụng trong công tác bảo trì các đoạn tuyến quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh,...), Mặt đường bê tông nhựa rỗng thoát nước (Đường cao tốc Pháp Vân Giẽ), vật liệu Cacboncor (đường giao thông nông thôn, tỉnh lộ, bảo trì trám vá trên các đường quốc lộ), vật liệu gia cố đất HRB (đường giao thông nông thôn, tỉnh lộ), phụ gia cho bê tông nhựa SBS (QL18, QL1, QL10, QL26, Thái Nguyên – Chợ Mới), PR Plast (QL18 Hạ Long - Mông Dương, QL1 đoạn tránh TP Huế, QL1 Khánh Hòa), Công nghệ cào bóc tái chế nóng BTN tại trạm trộn với hàm lượng RAP dưới 25% (áp dụng cho các đường trong các khu công nghiệp của các tỉnh phía Nam),... đem lại hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - môi trường. Ngoài ra, hiện nay Bộ đang cho phép tiến hành triển khai thử nghiệm các

công nghệ như: công nghệ cào bóc tái chế nguội với hàm lượng RAP từ 25% đến 75%; Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng xi thép làm kết cấu áo đường ô tô; Nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm hạt nhựa tái chế sử dụng trong mặt đường BTN.

²⁵ Với các nước Bra-xin, Thụy Sĩ và Ả-rập Xê-út.

²⁶ (i) Nghị định thư số 3 về quyền liên danh trên chặng bay nội địa giữa các điểm trong lãnh thổ của bất kỳ Quốc gia thành viên ASEAN, (ii) Nghị định thư số 4 về quyền kết hợp nhiều điểm giữa các điểm đến trong lãnh thổ bất kỳ quốc gia thành viên ASEAN, (iii) Thỏa thuận ASEAN công nhận lẫn nhau đối với Giấy phép người lái tàu bay.

²⁷ Hiệp định Vận tải biển giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Braxin.

²⁸ Ký Thỏa thuận công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên theo Công ước STCW 78/95 với Đan Mạch, Thái Lan, Croatia, Na Uy, Quần đảo Cook.

²⁹ Tuyến Phu-Thất-Phòng đi biên giới Na Son giáp huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội – Viên Chăn; tuyến đường 18B, tỉnh Attapur, tuyến đường từ bản Pùng-thà dọc sông Thama-Bản Fia-Lý, tỉnh Xay-Xôm-Bun; tuyến đường từ tỉnh lỵ Xay-Xôm-Bun - Tê-Bê-Lê - Núi Kong-Khầu - Xăm-Hô-Pà-Đông, tỉnh Xay-Xôm-Bun (Lào).

³⁰ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017.

³¹ Năm 2016 tiếp 123 lượt/139 công dân; năm 2017 tiếp 28 lượt/45 công dân; năm 2018 tiếp 50 lượt/136 công dân; năm 2019 tiếp 33 lượt/57 công dân; 11 tháng đầu năm 2020 tiếp 11 lượt/33 công dân, trong đó có 05 đoàn đồng người.

³² Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh, Báo GTVT, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng không miền Nam.

³³ Quyết định số 531/QĐ-BGTVT ngày 28/02/2017.

³⁴ Trong dịp tết Nguyên đán Canh Tý 2020, Quỹ Xã hội-từ thiện Công đoàn GTVT Việt Nam đã thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà tết 39 tập thể, trên 1.200 cá nhân là CNVCLĐ, cựu thanh niên xung phong, cựu bộ đội Trường Sơn đường Hồ Chí Minh Việt Nam, tổng kinh phí chi là trên 2,2 tỷ đồng. Các đơn vị trong ngành đã thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà tết trên 8 tỷ đồng.

- Quỹ Xã hội-Từ thiện Công đoàn GTVT Việt Nam đã trao ủng hộ tổng số tiền 400 triệu đồng, góp phần cùng cả nước chung sức thực hiện mục tiêu “Giảm nghèo bền vững”. Tổng số tiền các cấp công đoàn trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam ủng hộ Quỹ vì người nghèo và các hoạt động xã hội từ thiện trong Tháng cao điểm “Vì người nghèo năm 2020” là trên 5 tỷ đồng.

- Quỹ Xã hội-Từ thiện Công đoàn GTVT Việt Nam đã kịp thời trao tặng, ủng hộ 1,6 tỷ đồng tại các tỉnh miền Trung, chia sẻ với người dân khắc phục ảnh hưởng thiên tai, mưa lũ.

³⁵ Một số kết quả công tác y tế năm 2020:

- Trong năm 2020, công tác khám chữa bệnh: Tổng số lượt khám bệnh: 523.665 (đạt 160% kế hoạch); Tổng số người bệnh điều trị nội trú: 50.722; Công suất sử dụng giường bệnh đạt 63,74% kế hoạch; ngày điều trị trung bình 6,3 ngày; thực hiện 2.197.802 xét nghiệm các loại.

- Công tác y tế dự phòng: Kiểm định môi trường: 48 đơn vị; Khám sức khỏe định kỳ: 104.887 người; Khám bệnh nghề nghiệp: 33.103 người; Phun thanh khiết môi trường: 597.750m²; Đào tạo vệ sinh viên: 1.364 người; Hội chẩn bệnh nghề nghiệp: 06 cuộc; Giao ban Y tế cơ sở: 10 cuộc; Kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm: 36 đơn vị; Kiểm tra nước sạch: 48 mẫu.

³⁶ Theo quyết định 355/QĐ-TTg thì cần thực hiện giải pháp “Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ hàng năm đạt 3,5 ÷ 4,5% GDP”, tuy nhiên giai 2011-2015 tỷ trọng vốn đầu tư từ NSNN và TPCP cho Bộ GTVT (các công trình trung ương) chỉ đạt khoảng 1,3% GDP; giai đoạn 2016-2018 tỷ trọng vốn từ NSNN và TPCP chỉ ước đạt khoảng 0,69% GDP.

³⁷ Vốn bảo trì KCHTGT giai đoạn 2011-2018 chỉ đáp ứng khoảng 48% - 50% nhu cầu.

³⁸ Nghị quyết 13-NQ/TW và quy hoạch đường bộ cao tốc đặt ra mục tiêu đến năm 2020 sẽ đưa vào sử dụng 2000km cao tốc, hiện đại hóa đường sắt Bắc - Nam hiện có, tuy nhiên đến cuối 2018 mới hoàn thành 969 km cao tốc, bố trí được nguồn lực cho 11 dự án đường bộ cao tốc dài 654 km, 1 phần nguồn lực cho đường sắt Bắc - Nam.

³⁹ Gồm 1.581 km cao tốc Bắc - Nam và 2.116 km cao tốc kết nối.

⁴⁰ Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đường sắt.

⁴¹ Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt từ 7,0%-8,2%/năm về vận chuyển hành khách và 6,7% - 7,5%/năm về vận chuyển hàng hóa (chưa tính đến tác động các yếu tố bất thường).

- Thị phần vận tải: Đến năm 2025, dự kiến thị phần vận tải đường bộ chiếm khoảng 23,3 - 26 % đối với về luân chuyển hàng hóa và 57,6 - 62,5% về luân chuyển hành khách (chưa tính đến tác động các yếu tố bất thường).

- Thị trường dịch vụ logistics, vận tải có năng suất, chất lượng và hiệu quả dịch vụ vận tải đạt mức tiên tiến trong khu vực, góp phần giảm chi phí logistics của Việt Nam xuống tương đương khoảng 16% - 18% GDP.